

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3194**/UBND-KGVX
V/v tiếp thu, giải trình và
hoàn thiện điều chỉnh đề
xuất dự án Xây dựng cơ sở
hạ tầng thích ứng với biến
đổi khí hậu cho đồng bào
dân tộc thiểu số (Criem)
tỉnh Quảng Ngãi

Quảng Ngãi, ngày **10** tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 4614/BKHĐT-KTĐN ngày 15/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý điều chỉnh đề xuất dự án Xây cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (Criem) tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn bám sát các nội dung góp ý và đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản nêu trên và các văn bản của các Bộ, ngành: Bộ Tài chính (Công văn số 5156/BTC-QLN ngày 22/5/2023), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 3259/BTNMT-KHTC ngày 11/5/2023), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 3036/BNN-HTQT ngày 15/5/2023) và Bộ Giao thông vận tải (Công văn số 4645/BGTVT-KHĐT ngày 08/5/2023) để tiếp thu, giải trình và hoàn thiện nội dung điều chỉnh đề xuất Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (Criem) tỉnh Quảng Ngãi (gọi tắt là Dự án).

Đến nay, tỉnh Quảng Ngãi đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện nội dung điều chỉnh đề xuất Dự án theo các nội dung góp ý của các Bộ, ngành trung ương; nội dung tiếp thu, giải trình và hoàn thiện điều chỉnh đề xuất Dự án chi tiết theo các Phụ lục 1, 2 đính kèm:

- Phụ lục 1: Tổng hợp nội dung tiếp thu, giải trình y kiến góp ý của các Bộ, ngành Trung ương về điều chỉnh đề xuất dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (Criem) tỉnh Quảng Ngãi;

- Phụ lục 2: Điều chỉnh đề xuất dự án Criem tỉnh Quảng Ngãi.

Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, xem xét, sớm thẩm

định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh đề xuất dự án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải;
- Ủy ban Dân tộc;
- Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{VHTin340}.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

Phụ lục 1: TỔNG HỢP NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Ý kiến góp ý của các Bộ ngành Trung ương về điều chỉnh đề xuất dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho
đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Công văn số 2194/UBND-KGVX ngày 10 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh)

NỘI DUNG Ý KIẾN

TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 4614/BKHĐT-KTĐN ngày 15/6/2023

“1. Về sự cần thiết, phù hợp với chiến lược, kế hoạch, quy hoạch:

Đề nghị rà soát, làm rõ sự phù hợp của các nội dung đầu tư dự án điều chỉnh với các quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, ngành, lĩnh vực có liên quan (Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021- 2030 tại Nghị quyết số 81/2023/QH15; Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 – 2025 tại Nghị quyết số 39/2021/QH15; Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 (đang trong giai đoạn hoàn thiện); việc sử dụng đất của dự án cần phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bố chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021- 2023); chịu trách nhiệm về nội dung đánh giá sự phù hợp, tiến hành cập nhật vào nội dung quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để đảm bảo sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia theo quy định của Luật Quy hoạch.”

UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và bổ sung, hoàn thiện điều chỉnh đề xuất dự án tại trang số (1-6).

“2. Về các chương trình, dự án đã và đang triển khai cùng lĩnh vực; Theo đề xuất dự án điều chỉnh, đối với Đầu ra 1 và Đầu ra 2 của dự án, nội dung chủ yếu liên quan đến cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông, hạ tầng phục vụ sản xuất, thủy lợi, cấp nước và phòng chống thiên tai của địa phương. Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi và soát đảm

UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và có ý kiến giải trình như sau: Trong quá trình lập, thẩm định Báo cáo đề

<p style="text-align: center;">NỘI DUNG Ý KIẾN</p>	<p style="text-align: center;">TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</p>
<p>bảo các hạng mục mới đề xuất đưa vào dự án không trùng lặp với các công trình đã được bố trí bằng nguồn vốn khác, các nội dung đề nghị điều chỉnh đã được rà soát, khảo sát và tính toán cụ thể, tránh trường hợp phải thực hiện điều chỉnh nhiều lần.”</p>	<p>xuất chủ trương đầu tư dự án, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã phối hợp với Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) rà soát, kiểm tra thực tế hiện trường và làm việc cụ thể với từng địa phương hưởng lợi dự án. Đồng thời, cơ quan tổ chức thẩm định (Sở Kế hoạch và Đầu tư) đã lấy ý kiến tham gia thẩm định đầy đủ bằng văn bản của các Sở, ngành, địa phương liên quan thuộc tỉnh (11/11 ý kiến của các Sở, ngành, địa phương) đối với nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án. Vì vậy, các hạng mục đưa vào điều chỉnh Đề xuất dự án lần này đảm bảo không trùng lặp với dự án nào khác.</p>
<p>“3. Về nội dung, các hạng mục đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị rà soát, bổ sung phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội của dự án, bao gồm việc bổ sung các kết quả, tác động có tính định lượng cụ thể để các cơ quan có cơ sở đánh giá hiệu quả dự án. - Đối với đầu ra 2 - Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp dự kiến có 03 tiểu dự án cấp nước sinh hoạt huyện Ba Tơ, huyện Trà Bồng và huyện Sơn Hà. Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi làm rõ cơ sở đề xuất các hạng mục này phù hợp nhiệm vụ chi ngân sách địa phương; Đồng thời, đề nghị bổ sung thuyết minh làm rõ cơ chế tổ chức vận hành, sử dụng nguồn thu từ việc cấp nước sạch cho hộ dân của đơn vị được giao quản lý, vận hành. - Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát nội dung đầu tư từ các nguồn vốn. Đối với nguồn vốn vay nước ngoài cần đảm bảo tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021, Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 sửa đổi bổ sung Nghị định số 114/2021/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.” 	<p>UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và bổ sung, hoàn thiện điều chỉnh đề xuất dự án tại trang số (41-42)</p> <p>UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và bổ sung, hoàn thiện điều chỉnh đề xuất dự án tại trang số 11-13. Cơ chế tổ chức vận hành, quản lý tài sản sau đầu tư, cơ chế quản lý nguồn thu từ dự án sẽ được thực hiện theo Quy chế về đầu tư - xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Ban hành kèm theo Quyết định số: 14/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)</p> <p>UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và rà soát nội dung đầu tư từ</p>

NỘI DUNG Ý KIẾN		TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>“4. Về tổng mức đầu tư dự án: Tại Quyết định số 610/QĐ-BXD ngày 13/7/2022 của Bộ Xây dựng công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2021, đối với đường cấp VI đồng bằng (chiều rộng nền 6,5m, chiều rộng bề mặt 3,5m, lề rộng 2x1,5m) có suất đầu tư 6,200 tỷ đồng, đối với đường cấp V đồng bằng (chiều rộng nền 7,5m, chiều rộng bề mặt 5,5m, lề rộng 2x1m) có suất đầu tư là 12,324 tỷ đồng. Theo đề xuất dự án (tại Dầu ra 1), sơ bộ tổng mức đầu tư dự kiến là 85 tỷ đồng cho chiều dài khoảng 14,5km (đường cấp IV đồng bằng) và 178 tỷ đồng cho 16,62km (đường cấp V đồng bằng). Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát, chịu trách nhiệm về phương pháp lập và giá trị sơ bộ tổng mức đầu tư dự án theo quy định, lựa chọn cấp đường đạt tiêu chuẩn, chất lượng, phù hợp mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu, các công trình sau khi được đầu tư, nâng cấp phát huy hiệu quả và tránh lãng phí.”</p>	<p>UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và bổ sung, hoàn thiện điều chỉnh đề xuất dự án tại trang số 31-32</p>	
<p>“5. Về hạn mức vay lại và khả năng cân đối vốn đối ứng cho dự án: Nêu rõ nhu cầu vốn đối ứng dự kiến bố trí cho các dự án vay vốn nước ngoài trong giai đoạn 2021 – 2025 và giai đoạn sau năm 2025 để xác định khả năng cân đối và nguồn để bố trí vốn đối ứng cho dự án (từ nguồn ngân sách địa phương, nguồn thu từ đất, nguồn thu hợp pháp khác...). Đồng thời, bổ sung ý kiến của Hội đồng nhân dân về bố trí vốn đối ứng cho dự án.”</p>	<p>- UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và bổ sung, hoàn thiện điều chỉnh đề xuất dự án tại trang số 33-35 điều chỉnh đề xuất dự án.</p> <p>- Về ý kiến của Hội đồng nhân dân về bố trí vốn đối ứng cho dự án: Dự án đã được HĐND thông qua kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/9/2021) và UBND tỉnh đã bố trí kế hoạch vốn đối ứng năm 2023 đã bố trí kế hoạch vốn năm 2023 là 1,0 tỷ đồng để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư tại Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.</p>	
<p>“6. Về đánh giá tác động: Bổ sung đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế xã hội về mặt định lượng; đánh giá tác động môi trường cần nêu rõ nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án và phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật đất đai, pháp luật quy hoạch và pháp</p>	<p>UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và bổ sung, hoàn thiện điều chỉnh đề xuất dự án tại trang số 37.</p>	

NỘI DUNG Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>luật có liên quan khác.”</p> <p>“7. Về các nội dung khác: tại Bảng 2 – Dự kiến tiến độ thực hiện dự án, tỉnh Quảng Ngãi dự kiến thời điểm trình phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư vào tháng 5/2023, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tháng 06/2023 là chưa phù hợp với tiến độ thực tế. Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát, cập nhật lại các mốc thời gian nêu trên.”</p>	<p>UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và đã cập nhật các mốc thời gian tại Bảng 2 trang số 31 điều chỉnh đề xuất dự án.</p>
<p>II. Bộ Tài chính tại Công văn số 5156/BTC-QLN ngày 22/5/2023</p>	
<p>“1. Về các đề xuất điều chỉnh nội dung Dự án:</p> <p>Dự án đề xuất nhiều thay đổi về quy mô, nội dung chính so với Đề xuất dự án khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước đây. Vì vậy, để tránh việc tiếp tục phải điều chỉnh, đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi làm rõ một số nội dung liên quan tới sự cần thiết thực hiện từng hợp phần, nội dung chính của Dự án, sự phù hợp với: (i) quy hoạch phát triển lĩnh vực, địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, (ii) nhiệm vụ chỉ đạo của ngân sách tỉnh Quảng Ngãi. Cụ thể:</p> <p>a) Đối với Đầu ra 1 - Nâng cấp hạ tầng giao thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong số 02 tiểu dự án dự kiến đầu tư, đối với tiểu dự án Qng-01-Nâng cấp tuyến đường Trà Tân - Cà Đam huyện Trà Bồng: Đề nghị làm rõ sự phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh, Quy hoạch phát triển giao thông vận tải. - Ngoài ra, thuyết minh điều chỉnh Dự án cần làm rõ các tuyến đường đầu tư của cả 02 Tiểu dự án là xây mới hay nâng cấp từ đường có sẵn, hiện trạng nhu cầu cấp thiết nâng cấp/xây mới từ vốn vay nước ngoài. <p>b) Đối với Đầu ra 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 03 Tiểu dự án cấp sinh hoạt: Đề nghị làm rõ đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt, hệ thống ống dẫn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương hay doanh nghiệp, cơ chế tổ chức vận hành, quản lý tài sản sau đầu tư, cơ chế quản lý nguồn thu từ dự án. <p>- 03 Tiểu dự án thủy lợi: Đề nghị làm rõ hiện trạng, sự cần thiết nâng cấp, đầu tư các</p>	<p>UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính và ý kiến giải trình, làm rõ như sau:</p> <p>a) Đối với Đầu ra 1 - Nâng cấp hạ tầng giao thông: Các tiểu dự án giao thông đề xuất là phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, Quy hoạch phát triển giao thông vận tải. Nội dung bổ sung làm rõ tại trang số 8-11 điều chỉnh đề xuất dự án.</p> <p>b) Đối với Đầu ra 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 03 Tiểu dự án cấp sinh hoạt: Các tiểu dự án đề xuất thuộc nhóm công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, miền núi thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương. Cơ chế tổ chức vận hành, quản lý tài sản sau đầu tư, cơ chế quản lý nguồn thu từ dự án sẽ được thực hiện theo Quy chế về đầu tư - xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND

NỘI DUNG Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>hệ thống này, đảm bảo tính gắn kết đồng bộ với quy hoạch hệ thống thủy lợi của địa phương, rà soát đảm bảo không đầu tư chồng chéo với các hạng của dự án đang đề xuất đầu tư trong cùng lĩnh vực (như Dự án Hiện đại hóa thủy lợi vay ADB); đồng thời, cung cấp quy hoạch cải tạo hệ thống đê kè đã được phê duyệt tại văn bản, quyết định nào và làm rõ đây là nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương hay ngân sách địa phương ?</p> <p>c) Đối với Đầu ra 3: Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi đánh giá hiện trạng hệ thống đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc và giám sát, xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống công trình thủy lợi và sự cần thiết đầu tư hệ thống vì nội dung này thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời, đề nghị làm rõ mô hình kinh tế cho đồng bào dân tộc thiểu số.”</p>	<p>ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)</p> <p style="text-align: center;">TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</p> <p>- 03 Tiêu dự án thủy lợi: Các tiêu dự án đề xuất thuộc các công trình thủy lợi trên địa bàn các huyện miền núi đã hư hỏng xuống cấp và cần thiết phải đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhằm đảm bảo chủ động nguồn nước phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất. Các dự án đề xuất không trùng với các chương trình khác. Nội dung bổ sung làm rõ trang số 11-21 điều chỉnh đề xuất dự án.</p> <p>- Các công trình kè chống sạt lở đề xuất thuộc thương nguồn lưu vực sông Trà Bông và Sông Giang nhóm công trình phòng chống bờ sông bờ suối phù hợp với Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi điều chỉnh theo QĐ 1647/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 và Phương án phát triển hạ tầng thủy lợi và Phòng chống thiên tai đã tích hợp vào Quy hoạch tỉnh.</p> <p>c) Đối với Đầu ra 3:</p> <p>- Việc đầu tư Đầu ra 3: Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bên vững thích ứng biến đổi khí hậu cho vùng dự án của tỉnh Quảng Ngãi là rất cần thiết. Tỉnh Quảng Ngãi đã cùng Đoàn đánh giá của ADB thực hiện đánh giá hiện trạng và nêu rõ lý do, sự cần thiết đầu tư tại đề xuất dự án gửi Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất dự án kèm theo Công văn số</p>

NỘI DUNG Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>“2. Các nội dung khác:</p> <p>a) Về cơ cấu chi phí: Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi làm rõ khối lượng, định mức, đơn giá của các hạng mục đầu tư để làm cơ sở xác định tổng mức đầu tư sơ bộ của Dự án, phân tách rõ hạng mục đầu tư chính tương ứng vốn vay, vốn viện trợ, vốn đối ứng để có cơ sở đánh giá sự phù hợp của các nội dung đầu tư với quy định hiện hành.</p> <p>b) Chi phí dự phòng: Theo quy định tại điểm o, khoản 2 Điều 44 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, vốn đối ứng được sử dụng để trả chi phí dự phòng và các chi phí hợp lý khác. Vì vậy, đề nghị Tỉnh thực hiện theo quy định.</p> <p>c) Về đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, tài chính của Dự án: Báo cáo của Tỉnh tại điều chỉnh Đề xuất Dự án còn sơ sài, chung chung. Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi bổ sung các kết quả, tác động có tính định lượng cụ thể để làm rõ cơ sở đánh giá hiệu quả của Dự án.”</p>	<p>7938/UBND-KT ngày 28/12/2018 và Công văn số 6641/UBND-KT ngày 31/12/2020 (có sao gửi kèm theo).</p> <p>- Về việc “làm rõ mô hình kinh tế cho đồng bào dân tộc thiểu số”, UBND tỉnh có ý kiến giải trình như sau: Nội dung đầu tư đầu ra 3 do UBND tỉnh Quảng Ngãi đề xuất được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt không có nội dung xây dựng mô hình kinh tế cho đồng bào dân tộc thiểu số. Trong quá trình điều chỉnh đề xuất dự án đã có lỗi biên tập nội dung này. UBND tỉnh tiếp thu và đã bỏ nội dung này.</p>
	<p>a) UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính và đã bổ sung, hoàn thiện điều chỉnh đề xuất dự án tại trang số 31-32.</p> <p>b) UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính.</p> <p>c) UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính và đã bổ sung, hoàn thiện điều chỉnh đề xuất dự án phần đánh giá các tác động tại trang số 41-42.</p>
<p>III. Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3259/BTNMT-KHTC ngày 11/5/2023:</p>	

NỘI DUNG Ý KIẾN		TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>“1. Ngày 23/9/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 5622/BTNMT-KHTC gửi UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc tham gia ý kiến đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi. Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát, tiếp thu, giải trình các ý kiến đã được nêu tại Công văn số 5622/BTNMT-KHTC (Công văn số 5622/BTNMT-KHTC được gửi kèm theo).”</p> <p>“2. Đối với nội dung tại Công văn số 1303/UBND-KGVX ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi gửi kèm Công văn số 2883/BKHDT-KTĐN, đề nghị rà soát, nghiên cứu một số nội dung, cụ thể như sau:</p> <p>2.1. Các nội dung điều chỉnh của Dự án cần phù hợp với quy hoạch tổng thể tỉnh Quảng Ngãi và các quy hoạch chuyên ngành khác.</p> <p>2.2. Hồ sơ đề xuất dự án CRIEM đã có nội dung đánh giá tác động về xã hội và môi trường tại mục 6.1.1. Mục này về cơ bản sơ bộ nhận diện tác động của hoạt động của dự án đến môi trường và đề xuất biện pháp giảm thiểu. Tuy nhiên, cần bổ sung làm rõ tác động của việc điều chỉnh các nội dung của dự án đến cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học trong phạm vi thực hiện dự án và lân cận. Đặc biệt là tác động của việc xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt tác động đến cảnh quan thiên nhiên đa dạng sinh học của khu vực.</p> <p>Trong trường hợp dự án CRIEM thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động đến môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường, đề nghị Chủ dự án thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>2.3. Kết quả đầu ra 2 là “Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp” được điều chỉnh thành 07 tiêu dự án gồm: 03 tiêu dự án cấp nước sinh hoạt, 03</p>	<p>UBND tỉnh Quảng Ngãi đã rà soát, tiếp thu và hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5622/BTNMT-KHTC.</p> <p>UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường và đã hoàn thiện điều chỉnh đề xuất dự án tại trang số 1-6</p> <p>UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường và đã hoàn thiện điều chỉnh đề xuất dự án tại trang số 37-38</p> <p>Dự án CRIEM không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (không có yếu tố nhạy cảm về môi trường) nên không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động đến môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường.</p>	

Phụ lục 2: **ĐIỀU CHỈNH ĐỀ XUẤT DỰ ÁN CRIEM TỈNH QUẢNG NGÃI**

(*Kèm theo Công văn số 3194/UBND-KGVX ngày 10/7/2023 của UBND tỉnh*)

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên dự án:

Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) tỉnh Quảng Ngãi

Tên tiếng Anh: Climate Resilient Inclusive Infracstructure for Ethnic Minorities (CRIEM) in Quang Ngai province

2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ chương trình/dự án (dự kiến):

- Cơ quan chủ quản dự án:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

+ Địa chỉ: 52 Hùng Vương, Thành phố Quảng Ngãi

- Cơ quan đề xuất dự án:

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi

+ Địa chỉ: 182 Hùng Vương, Thành phố Quảng Ngãi

3. Nhà tài trợ dự án: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT

1. Tầm quan trọng, sự cần thiết và khả thi của chương trình, dự án về mặt kinh tế, xã hội, môi trường, khoa học, công nghệ, quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Quảng Ngãi là tỉnh thuộc khu vực duyên hải Nam Trung Bộ có diện tích tự nhiên là 5.155,24 km², dân số khoảng 1.233.400 người. Diện tích trải dài theo hướng Bắc – Nam trong khoảng 100 km, với chiều ngang theo hướng Đông – Tây hơn 60 km, ứng với tọa độ địa lý từ 14⁰32' đến 15⁰25' vĩ tuyến Bắc và từ 108⁰06' tới 109⁰04' kinh tuyến Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam với đường ranh giới chung khoảng 60 km; phía Tây giáp các tỉnh Kon Tum và Quảng Nam trên chiều dài 142 km dựa lưng vào dãy Trường Sơn, phía Nam giáp tỉnh Bình Định với chiều dài 70 km, phía Đông giáp biển, chiều dài khoảng 130 km với 5 cảng biển; trong đó cảng biển Dung Quất mang tầm vóc của một cảng quốc tế có khả năng tiếp nhận tàu lên đến 100.000 DWT, tàu hàng 30.000 – 50.000 DWT. Quảng Ngãi cách thủ đô Hà Nội 883 km về phía Nam và cách Thành phố Hồ Chí Minh 838 km về phía Bắc.

Đặc điểm chung về địa mạo Quảng Ngãi là núi lán sát biển, địa hình có tính chuyển tiếp từ đồng bằng ven biển phía Đông đến địa hình miền núi phía

Tây. Địa hình được chia thành bốn dạng rõ nét gồm vùng núi cao, vùng trung du, vùng đồng bằng và vùng cát ven biển. Trong đó vùng núi cao diện tích chiếm hơn 63% diện tích toàn tỉnh (3249,56/5155,25 km²) và dân số vùng miền núi chiếm 18,75% dân số toàn tỉnh (231.331/1.233.396).

Vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi gồm 05 huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng (trước đây gồm 06 huyện, trong đó có huyện Tây Trà, hiện nay huyện Tây Trà đã sáp nhập vào huyện Trà Bồng theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội). Hầu hết các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi thuộc diện nghèo (theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP) và giáp ranh vùng núi các tỉnh Bình Định, Kon Tum, Gia Lai, Quảng Nam hầu hết là vùng núi cao hiểm trở, điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Tình trạng mưa lũ, sạt lở đất, đá, ngập úng hoa màu, hư hỏng công trình giao thông, thủy lợi và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Đặc biệt những năm gần đây thời tiết thay đổi bất thường đã khiến cho tình trạng cơ sở hạ tầng nơi đây ngày càng xuống cấp nghiêm trọng hơn.

Trong những năm qua được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu như điện, đường, trường, trạm, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, công nghệ thông tin, liên lạc v.v... từ nguồn vốn các chương trình như: 30a, 135, giảm nghèo bền vững, nông thôn mới v.v ... Các chương trình này đã từng bước thay đổi cơ bản diện mạo nông thôn vùng miền núi, đời sống vật chất, tinh thần của người dân nơi đây đã nâng lên rõ rệt, một số ít đã thoát nghèo và vươn lên làm giàu. Tuy nhiên, khu vực miền núi có địa bàn rộng, dân cư thưa, địa hình phức tạp, phần lớn dân số là người dân tộc thiểu số, xuất phát điểm thấp, tập quán sinh hoạt và sản xuất còn lạc hậu và phụ thuộc nhiều vào thời tiết. Hàng năm phải gánh chịu liên tục tình trạng mưa lũ gây sạt lở, sa bồi thủy phá v.v...Mặt dù đã được đầu tư, nhưng mức độ đầu tư kết cấu hạ tầng vùng núi còn nhỏ lẻ, manh mún, đồng thời các công trình phải gánh chịu điều kiện thời tiết khắc nghiệt dẫn đến nhanh chóng lạc hậu, hư hỏng, xuống cấp.

Kết cấu hạ tầng yếu kém là nhân tố cơ bản làm cản trở các hoạt động sinh kế và phát triển đời sống của nhân dân vùng miền núi. Thực trạng vùng miền núi cho thấy: (i) Kết cấu hạ tầng giao thông còn nhiều hạn chế dẫn đến chi phí vận chuyển cao, giao thương hàng hóa hạn chế; (ii) Công trình thủy lợi quy mô nhỏ chưa chủ động nguồn nước dẫn đến sản xuất phụ thuộc làm giảm hiệu quả sản xuất, chưa chủ động đa dạng cây trồng; (iii) Các công trình cấp nước sinh hoạt đã được đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, khai thác nước từ các khe suối, mạch nước nhỏ nên phụ thuộc vào thời tiết (nắng thì khô, mưa thì bùn, đục vv) do vậy không phát huy hiệu quả, nhân dân luôn trong tình trạng thiếu nước sinh hoạt hoặc có nước không đảm bảo vệ sinh; (iv) Thời tiết phức tạp nên hoạt động sản xuất gặp nhiều rủi ro thiên tai, địa hình chia cắt, đất đai phân tán quy mô sản xuất nhỏ lẻ, mang mún; (v) Hệ thống cung ứng các dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất còn hạn chế nên khả năng tiếp cận và ứng dụng các tiến bộ khoa học trong

sản xuất gặp nhiều khó khăn; (vi) Thiếu kết nối thị trường đầu ra do vậy sản phẩm nông, lâm, thủy sản v.v... khó phát triển thành hàng hóa thương phẩm; (vi) Giao thương hạn chế dẫn đến mức độ tiếp cận khoa học, kỹ thuật và các ứng dụng tiên tiến vào sản xuất còn hạn chế dẫn đến phương thức sản xuất cũ còn duy trì, năng suất và chất lượng thấp không đảm bảo cạnh tranh.

Từ thực trạng thiên nhiên và con người vùng miền núi Quảng Ngãi, từ lâu Đảng và Nhà nước đã quan tâm và đề ra nhiều chương trình, mục tiêu nhằm phát triển khu vực còn nhiều tiềm năng.

Trong những năm qua kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi có nhiều chuyển biến tích cực; công tác giảm nghèo đã đạt nhiều thành quả quan trọng góp phần tích cực vào phát triển đời sống xã hội toàn tỉnh nói chung và khu vực miền núi nói riêng. Tuy nhiên, theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo nói chung của tỉnh còn khá cao, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (bình quân toàn tỉnh năm 2020 là 6,41%, vùng miền núi chiếm 22,01%). Vì vậy, việc ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu đồng bộ, hiện đại tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi, trước hết là hạ tầng thiết yếu như giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu để giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh là rất cần thiết.

Dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi (dự án CRIEM), vay vốn ADB được xây dựng trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh phù hợp với các quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, ngành, lĩnh vực có liên quan. Cụ thể:

Nghị quyết số 81/2023/QH15 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu “Phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, tăng trưởng kinh tế dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; mô hình tổ chức không gian phát triển quốc gia hiệu quả, thống nhất, bền vững, hình thành được các vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng, có mạng lưới kết cấu hạ tầng cơ bản đồng bộ, hiện đại; bảo đảm các cân đối lớn, nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh lương thực và an ninh nguồn nước; môi trường sinh thái được bảo vệ, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển toàn diện nguồn nhân lực, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên”

Nghị quyết số 39/2021/QH15 về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 – 2025 với mục tiêu: (i) Bảo đảm nhu cầu sử dụng đất để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Phân bổ hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực đất đai cho các ngành, lĩnh vực và các địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo

đảm quốc phòng, an ninh, gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo nền tảng để đến năm 2045 nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao; (ii) Bố trí quỹ đất đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế và các vùng động lực phát triển của quốc gia; giữ ổn định 3,5 triệu ha đất trồng lúa; bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42 - 43%; (iii) Khai hoang, phục hồi, lấn biển, đưa diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng; hạn chế tình trạng suy thoái đất; cải tạo, phục hồi diện tích đất bị thoái hóa gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.”

Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với định hướng phát triển hệ thống đường địa phương như sau: (i) Quy hoạch các tuyến đường bộ giao thông địa phương thực hiện theo phương án phát triển mạng lưới giao thông trong quy hoạch tỉnh được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch; (ii) Hoàn thiện cơ bản mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn, 100% đường huyện, đường xã được vào cấp kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu vận tải khu vực nông thôn.

Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 (đã được HĐND tỉnh Khóa XIII thông qua tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22/5/2023, đang trong giai đoạn hoàn thiện) đã tích hợp Phương án phát triển mạng lưới giao thông và Phương án phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn với phòng chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, kè chống sạt lở thuộc dự án CRIEM thuộc danh mục công trình ưu tiên đầu tư trong thời kỳ 2021-2030.

Về nhu cầu sử dụng đất của dự án CRIEM tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện cập nhật các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 theo Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021- 2025.

2. Những nỗ lực đã và đang được thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra:

Trong những năm qua, UBND tỉnh Quảng Ngãi cùng các Sở, Ngành và các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi đã nỗ lực tìm kiếm các nguồn lực nhằm đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình đã xây dựng bị hư hỏng xuống cấp và các công trình phòng chống thiên tai nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và thích ứng biến đổi khí hậu.

Từ năm 2017, ngay sau khi có văn bản hướng dẫn việc triển khai Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số của Ủy ban Dân tộc (UBDT), UBND tỉnh Quảng Ngãi đã kịp thời chỉ

đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp cùng các đơn vị có liên quan và UBND các huyện miền núi của tỉnh triển khai các nhiệm vụ theo đúng yêu cầu. Theo đó, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã đề xuất dự án và được Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề xuất dự án tại văn bản số 5753/VPCP-QHQT ngày 01/7/2019.

Tuy nhiên, đến nay dự án phải sàng lọc, điều chỉnh các đầu ra 1, 2 để đảm bảo theo các tiêu chí của Nhà tài trợ nên kéo dài thời gian chuẩn bị dự án dẫn đến một số công trình mang tính cấp bách địa phương đã đầu tư bằng nguồn vốn khác. Bên cạnh đó các quy định về quản lý đầu tư công, quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài có thay đổi (Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ). Do đó, dự án có một số thay đổi so với Đề xuất dự án và được Thủ tướng chính phủ phê duyệt, cụ thể như sau:

- Tên dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) tỉnh Quảng Ngãi.

- Tổng mức đầu tư dự kiến: 750,208 tỷ đồng (tương đương khoảng 32,991 triệu USD. Trong đó: Tổng vốn vay ADB: 23,503 triệu USD.

- Nội dung (kết quả) chính của dự án:

- + Đầu ra 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, gồm 02 tiểu dự án, trong đó gồm: (i) Tiểu dự án: Nâng cấp tuyến đường Trà Tân - Cà Đam, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi và (ii) Tiểu dự án: Nâng cấp tuyến đường từ đường Trường Sơn Đông đi xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

- + Đầu ra 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp gồm 07 Tiểu dự án, trong đó gồm: (i) 03 Tiểu dự án Cấp nước sinh hoạt, (ii) 03 Tiểu dự án Thủy lợi và (iii) 01 Tiểu dự án Kè chống sạt lở.

- + Đầu ra 3 (không thay đổi): Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu.

- Phạm vi thực hiện dự án: Gồm 04 huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây và Trà Bồng.

- Thời gian thực hiện dự kiến: 2023 – 2026.

Các nội dung điều chỉnh, bổ sung này đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi gửi Công văn số 307/UBND-KGVX ngày 21/01/2022 tới ADB và ADB đã có Thư gửi Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 10/2/2022, theo đó ADB không phản đối về các tiểu dự án do UBND tỉnh đề xuất và đề nghị UBND tỉnh tiến hành các thủ tục để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã giao các đơn vị có chức năng của tỉnh lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và có văn bản xin ý kiến góp ý của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban Dân tộc (tại

Công văn số 3792/UBND-KGVX ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh) trước khi trình HĐND tỉnh phê duyệt Chủ trương đầu tư và được các Bộ, ngành có ý kiến góp ý, gồm: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 7931/BKHĐT-KTĐN ngày 03/11/2022), Bộ Tài chính (Công văn số 13096/BTC-QLN ngày 12/12/2022), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 7020/BNN-HTQT ngày 19/10/2022), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 5622/BTNMT-KHTC ngày 23/9/2022), Ủy ban Dân tộc (Công văn số 1366/UBND-HTQT ngày 22/8/202), Bộ Giao thông vận tải (Công văn số 1167/BGTVT ngày 10/02/2023).

Tuy nhiên, theo Công văn số 13096/BTC-QLN ngày 12/12/2022 Bộ Tài chính có ý kiến: “Do nhiều nội dung chính của Dự án thay đổi so với Đề xuất đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi giải trình, làm rõ cơ sở pháp lý của việc điều chỉnh và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các thay đổi này và trình phê duyệt lại đề xuất Dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, để có căn cứ phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án theo đúng quy định”. Nội dung ý kiến của Bộ Tài chính cũng trùng với hướng dẫn Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh Đề xuất dự án tại Điểm b, Khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ (hiện nay đã được ban hành tại Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023).

Trên cơ sở các quy định hiện hành và ý kiến góp ý của các Bộ, ngành Trung ương: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Dân tộc. UBND tỉnh đã giao cơ quan chuyên môn (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải) lập Đề xuất dự án điều chỉnh và báo cáo về lý do điều chỉnh để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh Đề xuất dự án tại Công văn số 1303/UBND-KGVX ngày 29/3/2023 về việc điều chỉnh Đề xuất dự án CRIEM.

Đến nay tỉnh Quảng Ngãi đã tiếp thu, hoàn thiện điều chỉnh Đề xuất dự án theo ý kiến góp ý của các Bộ: Bộ Tài chính (Công văn số 5156/BTC-QLN ngày 22/5/2023), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 3036/BNN-HTQT ngày 15/5/2023), Bộ Giao thông vận tải (Công văn số 4645/BGTVT ngày 08/5/2023), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 3259/BTNMT-KHTC ngày 11/5/2023), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 4614/BKHĐT-KTĐN ngày 15/6/2023).

3. Các chương trình, dự án đang triển khai cùng lĩnh vực

- Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi, vay vốn của Ngân hàng Phát triển Châu Á, thời gian thực hiện (2023-

2026).

- Dự án nâng cao an toàn đập và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi vay vốn WB, thời gian thực hiện (2021-2025).

4. Nhà tài trợ nước ngoài: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

III. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

1. Mục tiêu, địa điểm, quy mô, phạm vi của chương trình, dự án:

1.1 Mục tiêu dự án:

a. Mục tiêu tổng quát:

Mục tiêu tổng quát của dự án là thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào DTTS thông qua cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông, các công trình CSHT tổng hợp như hạ tầng cấp nước sinh hoạt, công trình thủy lợi, công trình khắc phục sạt lở bờ sông...

b. Mục tiêu cụ thể:

Cải thiện và nâng cao điều kiện sống của người dân tộc thiểu số theo hướng bền vững thông qua các đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, chuyển dịch kinh tế và bảo vệ môi trường, nguồn nước sạch của người dân trong vùng dự án và các vùng lân cận, cụ thể như sau:

- Việc thực hiện dự án nhằm phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào DTTS thông qua cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông, các công trình CSHT tổng hợp như hạ tầng cấp nước sinh hoạt, công trình thủy lợi, công trình khắc phục sạt lở bờ sông,... Bên cạnh đảm bảo hiệu quả kinh tế, Dự án còn có ý nghĩa xã hội, nhân văn. Dự án tập trung đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số và miền núi, người hưởng lợi trực tiếp là đồng bào dân tộc thiểu số, đối tượng nghèo và dễ bị tổn thương. Dự án được triển khai sẽ thay đổi tư duy canh tác cũ, hạn chế nạn phá rừng làm nương rẫy, di dân tự do, góp phần ổn định định canh, định cư, phát triển sản xuất, phát triển làng nghề truyền thống, phát triển và bảo vệ rừng, giữ gìn ổn định an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội cho địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

- Cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông, cơ sở hạ tầng hỗ trợ phục vụ sản xuất, phát triển du lịch có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Cấp nước sạch cho các khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người DTTS.

- Sửa chữa, khôi phục các công trình thủy lợi bị hư hỏng nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp tạo nguồn an ninh lương thực và ổn định cuộc sống định cư cho đồng bào DTTS vùng miền núi.

- Nâng cấp công nghệ và hệ thống kỹ thuật hỗ trợ phát triển và quản lý cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu như cảnh báo lũ lụt, sạt lở đất, biến đổi khí

hậu... Cảnh báo sớm các thiên tai để giảm thiểu thấp nhất ảnh hưởng thiệt hại về người và vật chất khu vực dự án và vùng dễ xảy ra thiên tai.

- Góp phần củng cố, giữ vững và đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trong khu vực và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy các dự án dân sinh, kinh tế khác.

- Phòng hộ, cứu nạn, bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp, khu dân cư, tạo tuyến giao thông khớp nối giữa vùng ngập lụt và không ngập lụt, phục vụ ứng cứu và chạy lũ khi có tình huống xấu trong mưa bão.

- Đảm bảo giao thông thông suốt, rút ngắn được khoảng cách giữa các xã, khu vực và trung tâm huyện.

1.2 Địa điểm xây dựng:

Dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số” (CRIEM) tỉnh Quảng Ngãi thực hiện đầu tư xây dựng cải tạo, khôi phục, nâng cấp các công trình giao thông, cấp nước sinh hoạt, thủy lợi và kè chống sạt lở bờ sông thuộc địa bàn 04 huyện miền núi, gồm các huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng và huyện Sơn Tây.

1.3 Quy mô, phạm vi của dự án:

a. Các đầu ra của dự án: Dự án gồm 03 Đầu ra:

a1. Đầu ra 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông bao gồm 02 tiểu dự án;

a2. Đầu ra 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp, gồm 07 Tiểu dự án, trong đó: 03 Tiểu dự án cấp nước sinh hoạt; 03 Tiểu dự án thủy lợi; 01 Tiểu dự án Kè chống sạt lở.

a3. Đầu ra 3: Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu. Nguồn kinh phí dự kiến 1,0 triệu USD do ADB viện trợ không hoàn lại.

b. Quy mô dự án:

b.1 Hiện trạng vùng dự án

b.1.1 Hiện trạng hạ tầng giao thông

Trong những năm qua, các địa phương đã nỗ lực tìm kiếm các nguồn lực để xây dựng hạ tầng giao thông đã kết nối các tuyến Quốc Lộ, tỉnh Lộ và liên xã để kết nối giao thông. Về cơ bản, các huyện miền núi tham gia dự án đã hình thành mạng lưới các tuyến giao thông đến từng thôn xóm. Tuy nhiên kết cấu hạ tầng còn đơn sơ, phần lớn chỉ là đường thông tuyến, nền đất cấp phối, hệ thống cầu, cống, rãnh thoát nước chưa được đầu tư hoặc đã đầu tư nhưng chưa đồng bộ và do thiên tai làm hư hỏng, xuống cấp cần phải xây dựng lại hoặc sửa chữa, nâng cấp. Cụ thể hiện trạng các tuyến đường đề xuất trong dự án như sau:

(i) Tuyến đường Trà Tân - Cà Đam được hình thành trên cơ sở 02 dự án là

tuyến đường Trà Tân –Trà Bùi và Trà Bùi – núi Cà Đam. Tổng chiều dài tuyến là 22km. Điểm đầu (Km0+00) giao với đường Trà Tân – Trà Nham tại ngã ba Trà Tân thuộc tổ 20 thôn Trà Ngon, điểm cuối (Km22+00) tại ngã 5 thuộc thôn Quế. Tuyến đi qua xã Trà Tân và xã Trà Bùi. Trước năm 2018 tuyến đường này là đường mòn đất, chỉ đi bộ không thể lưu thông xe máy phương tiện. Toàn tuyến mới được thông toàn bộ (từ Trà Tân đi Trà Bùi) vào cuối năm 2018 với tổng chiều dài 22,0Km. Hiện nay, đoạn đầu tuyến dài 7,5Km (Km0+00 ÷ Km7+500) đã được đầu tư mặt đường BTXM 5,5m, đoạn còn lại dài 14.5Km (Km7+500÷ Km22+00) là đường cấp phối đất đồi có bề rộng nền 6,0÷7,0m.

Tiểu dự án QNg01: Nâng cấp tuyến đường Trà Tân - Cà Đam huyện Trà Bồng đề xuất chiều dài nghiên cứu đầu tư khoảng 14,5Km (đoạn cấp phối đất đồi) thuộc địa phận xã Trà Bùi. Điểm đầu (Km0+00) nối tiếp đoạn mặt đường BTXM 5,5m hiện hữu tại Km7+500. Điểm cuối (Km22+00) tại ngã 5 thuộc thôn Quế. Đoạn này đã đầu tư hệ thống thoát nước ngang, thoát nước dọc là rãnh đất, một số đoạn là bê tông đã hư hỏng. Do mặt đường cấp phối đất đồi chưa được gia cố, vào mùa mưa thì lầy lội trơn trượt, sinh lầy, mùa nắng thì bụi bặm bởi vậy việc lưu thông của xe cộ trên tuyến đường vô cùng khó khăn. Nhiều năm qua vào mùa mưa gần như toàn bộ các hộ dân thuộc khu vực xã Trà Bùi bị cô lập, không thể kết nối với các khu vực lân cận. Bên cạnh đó, trong những năm qua địa phương đã tốn nhiều chi phí để khắc phục tạm thời nền đường đất để phục vụ đi lại, đảm bảo giao thông trong mùa khô.

- Địa hình tuyến đường đi qua nằm ở vùng đồi núi cao, bình đồ tuyến uốn lượn theo địa hình, cắt qua nhiều sông suối lớn nhỏ. Vùng dự án có lượng mưa tương đối lớn ở khu vực miền núi của tỉnh Quảng Ngãi nên tuyến đường chịu ảnh hưởng khá lớn yếu tố thời tiết bất lợi này nên mặt đường rất nhanh bị hư hỏng, taluy dương dễ bị sạt trượt gây mất an toàn giao thông.

(ii) Tuyến đường từ đường Trường Sơn Đông đi xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây (giáp ranh với đường tỉnh ĐT.676 tại Km63+646 tại cầu Tà Mèo thuộc xã Đăk Nên, huyện KonPlong, tỉnh Kon Tum) nằm trong quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch là tuyến Quốc lộ 24D tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050..

Địa hình tuyến đường đi qua nằm ở vùng đồi núi cao, bình đồ tuyến uốn lượn theo địa hình, cắt qua nhiều sông suối lớn nhỏ. Vùng dự án có lượng mưa tương đối lớn ở khu vực miền núi của tỉnh Quảng Ngãi nên tuyến đường chịu ảnh hưởng khá lớn yếu tố thời tiết bất lợi này nên mặt đường láng nhựa rất nhanh bị hư hỏng, taluy dương dễ bị sạt trượt gây mất an toàn giao thông.

Tuyến đường hiện tại là đường giao thông hiện hữu đạt tiêu chuẩn đường

cấp VI miền núi. Tuyến đường đi qua các 2 xã Sơn Mùa xã Sơn Liên của huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi. Tuyến đường kết nối với đường Trường Sơn Đông tại Km160+300, xã Sơn Mùa và kết nối với đường tỉnh ĐT.676 tại km63+646 (cầu Tà Mèo), xã Đăk Nên, huyện huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum. Trên tuyến đoạn từ km0 – km0+580 thuộc dự án Cầu Sơn Mùa đã được UBND huyện Sơn Tây phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và đoạn từ Km0+580 – Km1+380 đã được Sở GTVT đầu tư công trình bằng BTXM tại Quyết định số 92/QĐ-SGTVT ngày 05/2/2021.

Chiều dài tuyến đường nghiên cứu còn lại khoảng 16,62km. Điểm đầu tại Km1+380 (tiếp giáp BTXM đã được đầu tư tại QĐ số 95/QĐ-SGTVT ngày 05/2/2021); điểm cuối tại Km18+00 (khu vực trồng cây mắc ca tại xóm Mang Tăng, thôn ĐăkDoa, xã Sơn Liên), cách cầu Tà Mèo khoảng 2,7km.

Mặt đường trên tuyến hiện hữu có 3 dạng: mặt đường bê tông xi măng, mặt đường đá dăm láng nhựa và mặt đường đất. Trong đó, chủ yếu là mặt đường đá dăm láng nhựa và mặt đường bằng đất chiếm tỷ lệ lớn:

- Mặt đường bê tông xi măng hiện hữu trên tuyến dài khoảng 2,8km, bề rộng mặt đường trung bình 5,5m; lý trình từ Km8+00 – Km10+800. Chất lượng mặt đường hiện trạng tương đối tốt, ổn định. Trong quá trình thiết kế cần lưu ý tận dụng lại mặt đường đoạn này nhằm tránh lãng phí và tiết kiệm kinh phí đầu tư.

- Mặt đường đá dăm láng nhựa hiện hữu trên đoạn tuyến khoảng 6,62km, bề rộng mặt đường trung bình 3,5m; lý trình từ km1+380 – km8+000. Hiện trạng mặt đường đá dăm láng nhựa qua nhiều năm khai thác sử dụng đã bị hư hỏng nặng, mái taluy dương nhiều đoạn bị sạt lở làm hư hỏng hoàn toàn mặt đường.

- Mặt đường bằng đất hiện hữu trên đoạn tuyến từ km10+800 - km18+00 (L=7,2km) được chia là hai đoạn. Trong đó đoạn từ km10+800 – km15+300 (L=4,5km), bề rộng nền đường hiện hữu khoảng 6m, hiện trạng mặt đường đất nhiều đoạn bị sinh lầy, sạt lở taluy dương gây khó khăn cho việc đi lại của nhân dân. Đoạn từ km15+300 – km18+00 (L=2,7km), nền đường hiện hữu rộng trung bình 2m, độ dốc dọc tuyến tương đối lớn, nền đường lầy lội đi lại rất khó khăn, đây là khu vực trồng cây mắc ca, hiện tại việc đi lại trên đoạn tuyến chủ yếu là xe máy, ô tô đi lại rất khó khăn và gần như không thể đi lại được.

Rãnh thoát nước dọc hiện hữu trên tuyến nhìn chung bị bồi lấp hoàn toàn. Những đoạn rãnh dọc được gia cố bằng bê tông cũng đã bị hư hỏng nặng và bồi lấp ở hầu hết trên đoạn tuyến nên khả năng thoát nước kém. Khi có mưa, nước từ mái taluy dương sẽ chảy tràn ra mặt đường. Đây cũng là một nguyên nhân làm cho mặt đường trên tuyến nhanh bị hư hỏng, xuống cấp.

Cống thoát nước ngang: Đa số các cống trên tuyến cơ bản đang sử dụng tốt. Tuy nhiên, qua nhiều năm khai thác kết hợp với taluy dương nhiều đoạn bị sạt lở, đất đá cuốn trôi bồi lấp, lắng đọng ở các hố thu và thân cống, làm cho khả năng thoát nước của cống kém.

Các cầu trên tuyến: Trên đoạn tuyến hiện hữu có 2 cầu đang khai thác sử dụng, gồm:

- Cầu ĐăkBa (km4+224): Cầu gồm 3 nhịp dầm bằng BTCT M300 có $L_n = 18\text{m}$, chiều dài cầu $L = 54\text{m}$, khổ cầu $B = 6,3\text{m} + 2 \times 0,5\text{m} = 7,3\text{m}$. Cầu được xây dựng từ năm 2010 đang khai thác sử dụng tốt; Mố cầu dạng mố nặng bằng bê tông M150; Trụ cầu bằng BTCT M300; Gờ lan can bằng BTCT M300; Tay vịn bằng thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Cầu Suối Tong (km5+372): Cầu dạng cầu bản mố nhẹ bằng BTCT, chiều dài cầu $L = 6\text{m}$, khổ cầu $B = 5,5\text{m} + 2 \times 0,25\text{m} = 6,0\text{m}$. Cầu được xây dựng từ năm 2010 đang khai thác sử dụng tốt; bản mặt bằng BTCT M300; Mố cầu, tường cánh bằng bê tông M150; Gờ lan can bằng BTCT M300.

Hạng mục an toàn giao thông trên tuyến bị hư hỏng hoàn toàn: cọc tiêu hầu như không còn; biển báo bị mục gãy và mất; ở các vị trí đường cong taluy âm không có tường hộ lan mềm rất nguy hiểm.

Tại các vị trí nút giao thông và đường dân sinh giao cắt cùng mức với tuyến chưa có bố trí hệ thống thoát nước dọc hoặc cống ngầm để thoát nước rãnh dọc.

b.1.2 Hiện trạng cấp nước sinh hoạt trên địa bàn các huyện có dự án:

Trong những năm qua, bằng các nguồn vốn từ chương trình 135, chương trình 30a và các chương trình dự án khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã đầu tư hàng trăm công trình cấp nước sinh hoạt lớn, nhỏ. Trong đó trên địa bàn các huyện miền núi đã đầu tư hơn 500 công trình cấp nước tập trung quy mô nhỏ và rất nhỏ phục vụ cho 10 -100 hộ gia đình. Phần lớn các công trình này khai thác nước tự chảy từ khe, suối và lắng lọc thô để dùng cho sinh hoạt hàng ngày chưa đảm bảo yêu cầu tối thiểu về nước sạch nông thôn, một số bị hư hỏng do mưa lũ, sạt lở vv.

Thời gian gần đây, trên địa bàn các huyện miền núi đã có đầu tư các công trình cấp nước sạch tập trung. Tuy nhiên, do nguồn vốn hạn chế và do điều kiện địa hình vùng miền núi chia cắt phức tạp, điều kiện dòng chảy các sông suối thay đổi lớn về độ đục trong năm do vậy các công trình xây dựng hoặc không đảm bảo áp lực để cấp cho các hộ gia đình ở xa và ở cao, hoặc xử lý không triệt để độ đục khi trời mưa hoặc bị hư hỏng do mưa lũ nên hầu hết không phát huy hiệu quả.

Cụ thể hiện trạng một số công trình cấp nước trong vùng dự án như sau:

(i) Công trình cấp nước sinh hoạt huyện Ba Tơ (Thị trấn Ba Tơ và xã Ba Động)

Theo báo cáo “Về việc tăng cường công tác quản lý nước sạch nông thôn trên địa bàn huyện Ba Tơ năm 2021”, thị trấn Ba Tơ có 3 công trình cấp nước sạch tập trung. Tuy nhiên, cả 3 công trình đều không đạt yêu cầu về mức độ bền vững của công trình cấp nước, đặc biệt là chưa đạt tiêu chí chất lượng nước sinh hoạt sau xử lý theo QCVN 01-1/2018/BYT của Bộ Y tế.

Các công trình cấp nước hiện trạng hoạt động theo chế độ tự chảy, chủ yếu phục vụ cấp nước sinh hoạt thông thường của người dân, nguồn nước từ suối nên việc giám sát kiểm tra chất lượng nước chỉ dùng phương pháp kiểm tra bằng mắt thường, việc kiểm tra bằng thiết bị máy móc kỹ thuật chưa được thực hiện thường xuyên hàng quý, hầu hết các lần kiểm tra chất lượng nước đều không mùi, không màu, hợp vệ sinh; Tuy nhiên, do công trình chỉ có hệ thống lọc đơn giản (*dùng bể lắng bằng cát thô sơ*), khi đến mùa mưa lòng suối thượng nguồn bị xói mòn, rửa trôi làm cho nước có màu vàng đục; Do vậy, vào mùa mưa nguồn nước cấp cho nhân dân bị ảnh hưởng.

Trong các công trình cấp nước hiện có, công trình cấp nước sinh hoạt cho KDC số 3 – TDP Kon Dung, lấy nguồn từ hồ Tôn Dung có quy mô lớn nhất. Tuy nhiên, trạm xử lý nước đang bị xuống cấp trầm trọng, công tác di tu bảo dưỡng không thực hiện thường xuyên, nên nhà trạm - thiết bị bơm bị hư hỏng; Hệ thống mạng lưới đường ống thép áp lực thấp, tự chảy, ít được bảo trì và kiểm tra, thường xuyên hư hỏng, gây lãng phí nước.

Do nguồn nước cấp không đảm bảo nên nhân dân trong vùng đã đào giếng và khoan giếng để lấy nước sinh hoạt. Tuy nhiên, vào mùa khô mực nước ngầm xuống thấp, các giếng lại không có nước.

Xã Ba Động hiện có 1 công trình cấp nước tự chảy – chưa qua xử lý. Hiện nay công trình đã hư hỏng và không hoạt động.

(ii) Các công trình cấp nước sinh hoạt huyện Trà Bồng (Xã Trà Sơn, TT Trà Xuân, Xã Trà Phú và xã Trà Bình):

Theo báo cáo “Về việc tăng cường công tác quản lý nước sạch nông thôn trên địa bàn huyện Trà Bồng năm 2021”; xã Trà Sơn, TT Trà Xuân, xã Trà Phú, xã Trà Bình có 10 công trình cấp nước tập trung. Tuy nhiên, cả 10 công trình đều không đạt yêu cầu về mức độ bền vững của công trình cấp nước, đặc biệt là chưa đạt tiêu chí chất lượng nước sinh hoạt sau xử lý theo QCVN 01-1/2018/BYT của Bộ Y tế.

Các công trình cấp nước trên địa bàn huyện có quy mô nhỏ, mỗi công trình có ít hơn 250 hộ đầu nối. Hiện trạng hoạt động theo chế độ tự chảy, chủ yếu phục vụ cấp nước sinh hoạt thông thường của người dân, nguồn nước từ suối nên việc giám sát kiểm tra chất lượng nước chỉ dùng phương pháp kiểm tra bằng mắt thường, việc kiểm tra bằng thiết bị máy móc kỹ thuật chưa được thực hiện thường xuyên hàng quý, chưa xác định được chất lượng nước để cấp cho sinh hoạt.

Trong các công trình cấp nước hiện có, công trình cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Trà Xuân có quy mô lớn nhất, gồm hệ thống cấp nước suối Cà Đú và hệ thống cấp nước suối Xen Bay. Tuy nhiên, trạm xử lý nước đang bị xuống cấp trầm trọng, công tác di tu bảo dưỡng không thực hiện thường xuyên, bể lắng lọc bị hư hỏng; Hệ thống mạng lưới đường ống thép áp lực thấp, tự chảy, ít được

bảo trì và kiểm tra, thường xuyên hư hỏng, gây lãng phí nước.

Do nguồn nước cấp không đảm bảo, nên nhân dân trong vùng đã đào giếng và khoan giếng để lấy nước sinh hoạt; Tuy nhiên, vào mùa khô mực nước ngầm xuống thấp, các giếng lại không có nước.

(iii) Công trình cấp nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp xã Sơn Bao huyện Sơn Hà:

Hiện nay khu vực đề xuất dự án chưa có công trình cấp nước sinh hoạt tập trung. Thôn 3,4,5,6 xã Sơn Bao và làng Dầu, thị trấn Di Lăng với số dân khoảng 3.000 người, trong đó người dân tộc thiểu số chiếm 90% sinh sống trên khu vực có địa hình cao, bị chia cắt nên việc canh tác và sinh hoạt đều phụ thuộc vào nguồn nước tự nhiên, các khe suối, chưa có công trình cấp nước. Các khe suối này bị khô cạn vào mùa hè nên người dân phải đi lấy nước rất xa. Trên địa bàn ngoài các khu dân cư còn có các trường học, các trụ sở xã... Vì sử dụng nguồn nước tự nhiên chưa qua xử lý nên ảnh hưởng nhiều đến điều kiện chăm sóc sức khỏe, người dân thường mắc các bệnh về đường tiêu hóa, trẻ em không có điều kiện phát triển toàn diện, năng suất cây trồng thấp, đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn.

Xã Sơn Bao nằm về phía Tây Bắc trung tâm huyện lỵ Sơn Hà, có 6 thôn, tên gọi theo thứ tự từ thôn 1 đến thôn 6: thôn 1 (Nước Bao), thôn 2 (Mò O), thôn 3 (Mang Kmuông), thôn 4 (Tà Lương), thôn 5 (Pó Rang), thôn 6 (Làng Mùng). Trong đó vùng hạ lưu công trình Nước Trong là các thôn: thôn 3 (Mang Kmuông), thôn 4 (Tà Lương), thôn 5 (Pó Rang), thôn 6 (Làng Mùng), đây là các thôn nằm ngay sau đập Nước Trong và trải dài ven sông Nước Trong (đoạn thượng lưu, thuộc các thôn 3, 4) và sông Dak Dring (đoạn ở hạ lưu, thuộc các thôn 5, 6).

Tuy ở gần công trình thủy lợi và ven sông nhưng vì cao trình đất canh tác và các khu dân cư ở trên cao, đồng thời bị chia cắt nhiều bởi địa hình đồi núi và các khe suối nên từ trước đến nay, toàn bộ diện tích đất canh tác (lúa, hoa màu, cây ăn trái...) đều phụ thuộc nguồn nước từ các khe nhỏ trong khu vực, từ nước trời và nước bơm để phục vụ nhu cầu sản xuất.

Vì không chủ động được nguồn nước tưới nên ở những vùng đất bằng phẳng, thuận lợi và gần các khe suối cũng chỉ sản xuất 1 vụ với năng suất bấp bênh. Phần lớn diện tích còn lại bỏ hoang. Đồng thời, việc lấy nước sinh hoạt của người dân hiện nay được sử dụng từ các khe suối nhỏ trong khu vực và từ các giếng đào ven sông.

Qua điều tra, khảo sát hiện trạng thủy lợi, đánh giá hiện trạng công trình, thực tế sản xuất và quản lý vận hành của hồ chứa nước Nước Trong đã có bố trí cửa ra để đáp ứng cho nhiệm vụ cấp nước tưới và sinh hoạt cho vùng hạ lưu đập nên ở đây chỉ xem xét đầu tư hệ thống dẫn nước từ công trình Nước Trong về phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân vùng hạ lưu.

Việc đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tưới và sinh hoạt cho nhân dân ở vùng hạ lưu công trình Nước Trong ngoài yếu tố thúc đẩy phát triển sản xuất, góp phần xóa đói giảm nghèo còn là phục vụ những người dân bị ảnh hưởng trực tiếp khi thực hiện dự án Nước Trong, bởi đây chính là một trong cộng đồng dân cư chịu ảnh hưởng trực tiếp, họ đã phải di dời nhà cửa, đất canh tác để nhường đất cho việc thực hiện dự án.

b.1.3 Hiện trạng các công trình thủy lợi trên địa bàn các huyện có dự án:

Từ những năm sau ngày thống nhất Đất nước, nông nghiệp được xem là mặt trận hàng đầu do vậy Đảng và Nhà nước đã quan tâm đầu tư nhiều công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để phục vụ tưới cho đất sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là hệ thống công trình Thủy lợi Thạch Nham phục vụ tưới cho vùng đồng bằng của 05 huyện, 01 Thị xã và 01 Thành Phố; đồng thời, trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi cũng đã đầu tư các công trình có quy mô như Hồ chứa nước Di Lăng, Đập Pring, Nước Lác, Xô Lô huyện Sơn Hà, Hồ chứa nước Tôn Dung, Đập Nễ Hà, Đập Nước Lang, Nước Trinh huyện Ba Tơ vv. Thời gian gần đây, bằng các nguồn vốn từ chương trình 135, chương trình 30a và các chương trình dự án khác trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi đã đầu tư hàng trăm công trình thủy lợi quy mô vừa, nhỏ và rất nhỏ phục vụ cấp nước tưới cho 10-300 ha. Phần lớn các công trình này dạng đập dâng khai thác nước tự chảy từ khe, suối và dẫn nước về đồng ruộng bằng kênh đất vv.

Bước đầu hệ thống các công trình thủy lợi đã phát huy hiệu quả tác dụng tích cực, tuy nhiên do điều kiện địa hình, địa chất phức tạp, mức độ đầu tư còn nhỏ lẻ và chưa đồng bộ; do vậy các công trình đã và đang hư hỏng, xuống cấp và một số không còn sử dụng.

Đặc biệt những năm gần đây, dưới tác động của biến đổi khí hậu thời tiết trở nên bất thường đã ảnh hưởng rất lớn đến tuổi thọ các công trình hạ tầng miền núi nhất là công trình thủy lợi, hiện tượng trượt lở gây bồi lấp đập và kênh, dòng chảy mưa lũ bất thường gây va đập và mục rữa bê tông các tuyến đập dẫn đến công trình không phát huy hiệu quả như kỳ vọng ban đầu.

Cụ thể thực trạng hư hỏng một số công trình thủy lợi được đề xuất trong dự án như sau:

i. Tiểu dự án QNg06: Khôi phục các công trình thủy lợi huyện Ba Tơ (gồm công trình: Đập Ka La, Đập Mang Voang, đập Làng Xi, Đập Nước Lầy, Cụm Đập Tà Noát-Am Ré, Đập Mang Biêu):

- **Đập Ka La:** Tuyến đập được xây dựng tại xã Ba Vinh, hiện trạng là đập tạm bằng đất, đá và các loại cành cây ngăn dòng sông Nễ nhằm lấy nước phục vụ tưới cho khoảng 120ha đất sản xuất nông nghiệp cánh đồng thôn Nước Nễ xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ. Hệ thống kênh tưới chưa được đầu tư, hiện trạng là kênh đất và một ít kênh bê tông thuộc hệ thống đập Nễ Hà, kênh đất bị sạt lở, một số đoạn bị hư hỏng không thể tải nước. Do vậy hiện nay đập chỉ đảm bảo khả năng

cấp nước cho 55ha đất, phần lớn diện tích còn lại sản xuất cầm chừng dựa vào thời tiết mùa mưa và nguồn nước từ các khe suối.

- **Đập Mang Voang:** Đập được xây dựng năm 2010 đến năm 2017 đập bị hư hỏng do lũ và sau đó bị lũ cuốn trôi hoàn toàn, hiện trạng là đập tạm bằng đất, đá và các loại cành cây ngăn dòng suối Gia Thủy (đổ ra sông Nễ) nhằm lấy nước phục vụ tưới cho khoảng 25ha đất sản xuất nông nghiệp cánh đồng thôn xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ. Hệ thống kênh tưới đã được đầu tư tuyến kênh chính bằng bê tông, các tuyến kênh nhánh, kênh nội đồng chưa được đầu tư kiên cố, kênh nhánh bằng đất bị sạt lở, một số đoạn bị hư hỏng không thể tải nước. Do vậy hiện nay đập chỉ đảm bảo khả năng cấp nước cho 15ha đất, phần lớn diện tích còn lại sản xuất cầm chừng dựa vào thời tiết mùa mưa và nguồn nước từ các khe suối.

- **Đập Làng Xi:** Đập được xây dựng năm 2005 ngăn dòng suối Làng Xi (đổ ra sông Tô) nhằm lấy nước phục vụ tưới cho cánh đồng rộng khoảng 110ha đất sản xuất nông nghiệp cánh đồng thôn Làng Xi xã Ba Ba Tô, huyện Ba Tơ. Hệ thống kênh tưới đã được đầu tư tuyến kênh chính bằng bê tông, các tuyến kênh nhánh, kênh nội đồng chưa được đầu tư kiên cố, kênh nhánh bằng đất bị sạt lở, một số đoạn bị hư hỏng không thể tải nước. Tuy nhiên, do đập bố trí ở cao trình thấp nên hiện nay đập chỉ đảm bảo khả năng cấp nước cho 55ha đất, phần lớn diện tích còn lại sản xuất cầm chừng dựa vào thời tiết mùa mưa và nguồn nước từ các khe suối.

- **Đập Nước Lầy:** Hiện trạng công trình đầu mối là đập dâng bằng BT và BTCT dài 11,80m, gồm phần tràn dài 9,30m và phần không tràn dài 2,50m; Chiều cao đập 2,5m. Qua quá trình sử dụng đầu mối bị bong tróc, hư hỏng và xuống cấp. Khu tưới khoảng 45ha đất sản xuất nông nghiệp cho thôn Nước Lầy, xã Ba Ngạc, huyện Ba Tơ. Hệ thống kênh và công trình trên kênh: Hệ thống kênh hiện trạng $L=5,0\text{km}$, gồm kênh chính $L=2,0\text{km}$ đã kiên cố bằng bê tông cốt thép; Kênh nhánh là kênh đất, các tuyến kênh nhánh cần kiên cố hóa $L=3,0\text{km}$.

- **Đập Tà Noát - Am Ré:** Công trình Đập Tà Noát – Am Ré hiện nay là đập bồi tạm lấy nước từ suối Nước Long để phục vụ tưới cho khoảng 60ha đất nông nghiệp của các cánh đồng thôn Ba Lăng, thôn Tà Noát và Am Ré xã Ba Ngạc, huyện Ba Tơ. Hệ thống kênh tưới đã có kiên cố kênh chính bằng bê tông cốt thép, một số đoạn bị hư hỏng, các tuyến kênh nhánh và kênh nội đồng hầu hết là kênh đất bị hư hỏng, sạt lở.

- **Đập Mang Biều:** Đập Mang Biều được xây dựng trên suối Quay, hiện trạng công trình đầu mối là đập dâng bằng BT và BTCT dài 17,70m, gồm phần tràn dài 8,70m và phần không tràn dài 9,0m; Chiều cao đập 2,0m. Qua quá trình sử dụng đầu mối bị bong tróc, đặc biệt phần bể tiêu năng và vai hữu hư hỏng hoàn toàn. Công trình có nhiệm vụ ngăn nước qua hệ thống kênh bằng bê tông cốt thép đã kiên cố hóa tưới tự chảy cho 60 ha đất sản xuất nông nghiệp

thuộc thôn Mang Biều, xã Ba Tiêu, huyện Ba Tư. Hệ thống kênh tưới: đa phần đã kiên cố bằng bê tông cốt thép, một số đoạn bị hư hỏng và kênh đất bị hư hỏng, sạt lở.

(ii) **Tiểu dự án QNg07:** Khôi phục các công trình thủy lợi huyện Trà Bồng (gồm công trình: Đập Xen bay, Đập Nước Nun, Hồ Hồ leo)

- **Đập Xen Bay:** gồm đập Xen bay trên và Xen bay dưới

+ **Đập Xen Bay Trên:** Đầu mỗi đập dâng bằng BT và BTCT dài 10m, gồm phần phân tràn dài 8m và phần không tràn dài 2m; Chiều cao đập 1,5m. Qua quá trình sử dụng đầu mỗi bị bong tróc, hư hỏng và xuống cấp. Nhiệm vụ tưới theo thiết kế 96ha, hiện trạng tưới 47ha đất sản xuất. Ngoài việc cấp nước cho sản xuất, thì nhiệm vụ của công trình còn tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho 20 hộ dân. Đập hướng dòng: Dùng để ngăn dòng chính và chuyển vào dòng suối nhánh nơi có đập dâng để cấp nước cho hạ du. Đập bị bong tróc và có hiện tượng nứt vỡ. Hệ thống kênh và công trình trên kênh: Hệ thống kênh hiện trạng L=6,9km, gồm kênh chính L= 3,4km, kích thước b_{xh}=(1,0x0,8), (0,6x0,7)m bị hư hỏng một số đoạn L= 0,3km tải nước rất hạn chế cần kiên sửa chữa và Kênh nhánh kích thước b_{xh}=(0x5x0,6) và (0,3x0,4)m dài L= 3,5 km hư hỏng nhẹ, cần sửa chữa một số đoạn, các tuyến kênh nhánh cần kiên cố hóa L=3,0km;

+ **Đập Xen Bay Dưới:** Đầu mỗi đập dâng bằng BT và BTCT dài 50m, gồm phần phân tràn dài 46m và phần không tràn dài 4m; Chiều cao đập 2,5m. Qua quá trình sử dụng đầu mỗi bị bong tróc, hư hỏng và xuống cấp. Nhiệm vụ tưới theo thiết kế 20ha, hiện trạng tưới 11ha đất sản xuất. Hệ thống kênh và công trình trên kênh: Hệ thống kênh hiện trạng L=2,5km, gồm kênh chính L= 2,3km, kích thước b_{xh}=(0,6x0,7), (0,5x0,6)m bị hư hỏng một số đoạn L= 1,4km tải nước rất hạn chế cần kiên sửa chữa và Kênh nhánh kích thước b_{xh}=(0,3x0,4)m dài L= 0,2 km hư hỏng nhẹ, các tuyến kênh nhánh cần kiên cố hóa L=2,4km; Công trình trên kênh hư hỏng nặng

- **Đập Nước Nun:** Đầu mỗi đập dâng bằng BT và BTCT dài 20m, gồm phần phân tràn dài 8m và phần không tràn dài 12m; Chiều cao đập 2,5m. Đầu mỗi bị cuốn trôi trong đợt lũ năm 2020. Nhiệm vụ tưới theo thiết kế 25ha, hiện trạng không tưới được do đầu mỗi bị cuốn trôi. Ngoài việc cấp nước cho sản xuất, thì nhiệm vụ của công trình còn tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho 30 hộ dân. Hệ thống kênh và công trình trên kênh: Hệ thống kênh hiện trạng L=1,5km, kích thước b_{xh}=(0,3x0,4)m và kênh ống thép, bị hư hỏng một số đoạn L= 1,2km tải nước rất hạn chế cần kiên sửa chữa, các tuyến kênh nhánh cần kiên cố hóa L=2,0km; Công trình trên kênh hư hỏng nặng;

- **Hồ Hồ leo:** Đầu mỗi hồ chứa bằng đập đất cao 5m dài 50m; Tràn xả lũ rộng 54m. Nhiệm vụ tưới theo thiết kế 25ha, hiện trạng tưới 19,1 ha đất sản xuất. Ngoài việc cấp nước cho sản xuất, thì nhiệm vụ của công trình còn tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho 30 hộ dân. Hiện trạng: Đập đất bị thấm qua than

đập và nền gây mất nước, một số vị trí mái đập bị lún sụt làm không đảm bảo diện tích theo thiết kế ban đầu; Tràn xả lũ hư hỏng thân và bề tiêu năng hạ lưu; Cổng lấy nước bị rò rỉ, van đóng mở hạ lưu bị hư hỏng. Hệ thống kênh và công trình trên kênh: Hệ thống kênh hiện trạng $L=1,5\text{km}$, kích thước $\text{b}\times\text{h}=(0,3\times 0,4)\text{m}$ còn tốt, các tuyến kênh nhánh bằng đất cân kiên cố hóa $L=0,5\text{km}$.

(iii) Tiểu dự án QNg08: Khôi phục các công trình thủy lợi huyện Sơn Hà (gồm công trình: Kênh hồ chứa nước Di Lăng, Đập Pring, Đập Nước Lác; Đập Tà Pa; Đập Xô Lô):

- **Kênh hồ chứa nước Di Lăng:** Cụm đầu mối hồ chứa nước Di Lăng gồm hồ chứa có dung tích hồ $V=9\times 10^6\text{m}^3$, mực nước dâng bình thường $+116\text{m}$; đập đất dài 200m , chiều rộng tràn xả lũ $B=15\text{m}$, cổng lấy nước. Năm 2005, công trình được đầu tư cải tạo và mở rộng hệ thống tưới có nhiệm vụ cấp nước tưới cho 650ha đất nông nghiệp, trong đó gồm 546ha lúa hai vụ và 104ha mía. Hiện trạng, cụm đầu mối hoạt động bình thường. Hệ thống kênh dài 32km gồm Kênh Tây dài 7.367m gồm có kênh hở mặt cắt hình thang và mặt cắt chữ nhật bằng bê tông và kênh ống nhựa PVC (D315-:-400); Kênh Đông và hệ thống kênh nhánh có chiều dài $24,9\text{km}$; trong đó Kênh Đông có chiều dài 7.227m , hình thức kênh hở bằng bê tông, mặt cắt kênh hình thang có chiều rộng đáy $(0,5\div 0,6)\text{m}$ và kênh chữ nhật có kích thước $(1\times 1)\text{m}$ $(0,7\times 0,7)\text{m}$, $(0,4\times 0,6)\text{m}$; Kênh nhánh thuộc kênh Đông có chiều dài 9.975m có hình thức kênh hở bằng bê tông, mặt cắt kênh hình thang có chiều rộng đáy $(0,3\div 0,4)\text{m}$ và kênh chữ nhật có kích thước $(0,4\times 0,6)\text{m}$; Kênh nội đồng kênh Đông có chiều dài $7,4\text{km}$; trong đó 3km kênh có hình thức kênh bê tông mặt cắt kênh chữ nhật và $4,4\text{km}$ kênh đất hình thang chiều rộng đáy $(0,3\div 0,4)\text{m}$. Sau nhiều năm hoạt động, hệ thống kênh đã bị hư hỏng và xuống cấp, nhiều đoạn kênh bị bồi lấp, thành kênh bị vỡ, nên không đảm bảo yêu cầu dẫn nước, do đó hiện trạng hệ thống chỉ đủ tưới cho 168ha đất nông nghiệp, diện tích còn lại sản xuất bắp bệnh nên năng suất thấp do không chủ động nguồn nước. Tổng chiều dài kênh cần nâng cấp sửa chữa, làm mới khoảng 19km trong đó $14,6\text{km}$ theo tuyến kênh hiện trạng và $4,4\text{km}$ kênh làm mới hoàn toàn.

- **Đập Pring:** Đập dâng Pring được xây dựng năm 2003 trên sông Tầm Linh, thuộc xã Sơn Linh - huyện Sơn Hà – Tỉnh Quảng Ngãi. Nhiệm vụ thiết kế tưới cho 330ha đất nông nghiệp, khu hưởng lợi có số dân hơn 1.936 người (1488 người H're). Đập tràn có chiều dài 60m , hình thức đập bê tông thực dụng, chiều cao đập lớn nhất $H_{\text{max}}=9,0\text{m}$; cao trình ngưỡng đập tràn $+68,50\text{m}$, chiều cao cột nước tràn $h=7,0\text{m}$. Vai tả đập có cao trình $+71,00\text{m}$; vai hữu đập bố trí cổng lấy nước và cổng xả cát, có cao trình không tràn là $75,50\text{m}$. Cổng lấy nước bố trí trong vai hữu đập có kích thước $\text{b}\times\text{h}=(1\times 1,25)\text{m}$, cổng xả cát bố trí bên vai hữu đập kích thước $\text{b}\times\text{h}=(2\times 2,5)\text{m}$. Hiện trạng đập làm việc bình thường, tuy nhiên qua 19 năm sử dụng nên thiết bị cơ khí của đập bị xuống cấp vận hành khó khăn, do đó cần thay mới sửa chữa các thiết bị cơ khí. Hệ thống kênh hiện trạng

đã được đầu tư xây dựng từ năm 2003-:2009, mặt cắt kênh dạng chữ nhật và hình thang, tổng chiều dài kênh 13,96km, trong đó kênh bờ tả dài 2.681,0m kích thước bxx=(60x70)cm và (50x60)cm, kênh bờ hữu dài 6.980m kích thước kênh bxx(75x100)cm và (80x90)cm, kênh nội đồng dài 4.300m kích thước (50x60)cm và (40x50)cm. Sau nhiều năm hoạt động qua các mùa mưa lũ nên hệ thống kênh bị xuống cấp, hư hỏng, nhiều đoạn kênh bị bồi lấp, thành kênh bị vỡ, do đó hệ thống kênh chỉ đủ cung cấp nước tưới cho 120ha đất sản xuất nông nghiệp, diện tích còn lại sản xuất bắp bênh, năng suất thấp do không chủ động nguồn nước. Tổng chiều dài kênh cần đầu tư nâng cấp, sửa chữa dài 8,6km gồm kênh nhánh và kênh nội đồng theo tuyến hiện trạng.

- **Đập Nước Lác:** Đập nước Lác được xây dựng năm 2003-:2005 trên sông Nước Lác (lưu vực 62km²) nhằm cấp nước tưới cho 150ha đất nông nghiệp. Bước đầu công trình đã phát huy hiệu quả tác dụng. Sau thời gian khai thác vận hành đến nay công trình đã hư hỏng và bộc lộ những nhược điểm cần khắc phục nhằm đảm bảo đủ nước tưới cho 150ha đất sản xuất nông nghiệp. Cụ thể như sau: (i) Tuyến đập hiện trạng là đập tràn BT trọng lực dạng Ophexirop chiều cao lớn nhất 10m, bề rộng đập tràn Btr = 80m, hai vai đập không tràn dài 40m. Sau thời gian khai thác bê tông đập đã xuất hiện nhiều điểm bị mục vữa, thấm lậu, đặc biệt thân tường hai biên bị mục bê tông và thấm nước. Phía thượng lưu tuyến đập phía bờ tả bị bồi lấp sát cống lấy nước. Tuyến đập vẫn đang vận hành khai thác nhưng đã xuất hiện những hư hỏng và tìm ẩn nguy cơ mất ổn định cần phải khắc phục. (ii) Tuyến kênh chính và kênh nhánh được chia thành 02 hệ thống: Hệ thống kênh Nam và Hệ thống kênh Bắc. Trong đó: Tuyến kênh chính Nam dài khoảng 2,8km và các tuyến kênh nhánh thuộc kênh Nam đã đầu tư khoảng 3,0km, nhiệm vụ dẫn tưới vùng ruộng phía bờ tả sông khoảng 100ha đất nông nghiệp. Mặc dù đã được đầu tư kiên cố bằng bê tông tuy nhiên do bản thân tuyến kênh thấp hơn mặt đất dọc hai bờ kênh, do đó thường xuyên bị bồi lấp và gãy đổ, mặt khác do mực nước trong kênh thấp hơn mặt ruộng dọc tuyến nên đã không phát huy hiệu quả tưới cho các thửa ruộng dọc tuyến dẫn đến việc vận hành phân phối nước gặp nhiều khó khăn (do dân tự đắp cản để dâng nước vào ruộng, phát sinh tranh chấp nguồn nước, làm tắt nghẽn kênh) và là nguyên nhân cơ bản làm tuyến kênh Nam không phát huy hết tác dụng. Tuyến kênh Bắc lấy nước từ cống phía hữu tuyến đập, kênh dài khoảng 2,0km, cấp nước tưới cho khoảng 40ha, trên tuyến kênh Bắc có xiphong suối Bò Nung là công trình trên kênh có quy mô lớn. Sau khi đưa công trình vào sử dụng khoảng 5 năm thì xi phông này thường xuyên bị tắt nghẽn và sau đó không thể vận hành, từ đó toàn bộ diện tích phía hạ lưu xi phông (khoảng 40ha) không có nước tưới. Nhân dân phải sản xuất cần chùng và dựa vào nước mưa và nước từ các khe, mạch để sản xuất rất bắp bênh và thường xuyên phải bỏ hoang. Như vậy hiện trạng công trình thủy lợi Nước lác đã xuất hiện hư hỏng, xuống cấp không còn phát huy hết công suất theo thiết kế, trong khi đó tài nguyên nước và tài nguyên đất sản xuất khu vực này rất phong phú, do vậy cần phải có giải pháp sửa chữa,

khôi phục công trình nhằm khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên đất và nước.

- **Đập Tà Pa:** Đập Tà Pa được xây dựng trên suối Làng đầu (lưu vực 6km²), nhằm cấp nước tưới cho 125ha đất nông nghiệp thuộc xã Sơn Thượng huyện Sơn Hà. Bước đầu công trình đã phát huy hiệu quả tác dụng. Sau thời gian khai thác vận hành đến nay công trình đã hư hỏng và bộc lộ những nhược điểm cần phải sửa chữa, khắc phục nhằm đảm bảo đủ nước tưới cho 125ha đất sản xuất nông nghiệp. Cụ thể như sau: (i) Tuyến đập hiện trạng là đập tràn BT trọng lực dạng tar2n tự do mặt cắt hình thang chiều cao lớn nhất 3m, bề rộng đập tràn Btr = 30m, hai vai đập không tràn dài 20m. Sau thời gian khai thác bê tông đập đã xuất hiện nhiều điểm bị mục vỡ, thấm lậu ở thân và chân đập tràn; các phai xả cát đã bị dòng chảy va đập sứt bề bê tông và hư hỏng khe phai. Cống lấy nước dạng ống thép chôn trong thân đập thường xuyên bị bồi lấp. Phía thượng lưu đập hàng năm đều bị bồi phải nạo vét. Trong quá trình vận hành, tuyến đập đã được nâng cao 0,5m nhằm đảm bảo yêu cầu tưới tự chảy cho diện tích phía hạ lưu. Tuyến đập đang vận hành khai thác nhưng đã có nhiều điểm hư hỏng và tìm ẩn nguy cơ mất an toàn cần sửa chữa. (ii) Hệ thống kênh gồm 02 tuyến bờ tả và bờ hữu. Trong đó kênh bờ hữu dài 2,6km và kênh bờ tả dài 2,8km. Hiện trạng các tuyến kênh đã và đang vận hành. Tuy nhiên do thời gian khai thác đã lâu, các tuyến kênh đã hư hỏng cục bộ, nhiều đoạn bị mục vỡ thấm lậu, mặt khác điều kiện địa hình miền núi phức tạp nên kênh thường xuyên bị các vách taluy sạt lở dẫn đến tắt nghẽn. Đồng thời một số tuyến kênh nhánh chưa được đầu tư nên chưa dẫn nước về đến đồng rộng. Do vậy công trình chưa phát huy hết tác dụng theo thiết kế ban đầu. Mặt khác do lưu vực trên suối chính nhỏ nên thường xuyên thiếu nước, địa phương đã đầu tư một tuyến đập nhỏ để bổ sung nước cho tuyến kênh tả, tuy nhiên tuyến đập này hiện nay cũng đã hư hỏng cần sửa chữa, khôi phục.

- **Đập Xô Lô:** Đập Xô Lô được xây dựng trên suối Xo Lo (lưu vực 30km²) năm 2007, nhằm cấp nước tưới cho 150ha đất nông nghiệp thuộc xã Sơn Trung và Sơn Hải huyện Sơn Hà. Bước đầu công trình đã phát huy hiệu quả tích cực. Sau thời gian khai thác vận hành đến nay công trình đã hư hỏng và bộc lộ những nhược điểm cần khắc phục nhằm đảm bảo đủ nước tưới cho 150ha đất sản xuất nông nghiệp. Cụ thể như sau: (i) Tuyến đập hiện trạng là đập tràn BT trọng lực dạng Ophexirop chiều cao lớn nhất 6m, bề rộng đập tràn Btr = 50m, hai vai đập không tràn dài 20m. Sau thời gian khai thác bê tông đập đã xuất hiện nhiều điểm bị mục vỡ, thấm lậu ở chân đập tràn; các phai xả cát đã bị dòng chảy va đập sứt bề bê tông và hư hỏng khe phai. Tuyến đập đang vận hành khai thác nhưng đã xuất hiện những hư hỏng cần sửa chữa. (ii) Hệ thống kênh gồm 01 kênh chính dài khoảng 2,6km và 02 Tuyến kênh nhánh dẫn nước về 02 xã khác nhau là Sơn Trung và Sơn Hải, tổng chiều dài kênh nhánh 11,5km (phía tả - Sơn Trung dài L=5,5km; phía hữu - Sơn Hải dài L=6,0km). Hiện trạng các tuyến kênh đã và đang phát huy tác dụng. Tuy nhiên do thời gian khai thác đã

lâu, các tuyến kênh đã hư hỏng cục bộ, nhiều đoạn bị mục vữa thấm lậu, mặt khác điều kiện địa hình miền núi phức tạp nên kênh thường xuyên bị các vách taluy sạt lở dẫn đến tắt nghẽn. Đồng thời một số tuyến kênh nhánh chưa được đầu tư nên chưa dẫn nước về đến đồng rộng. Do vậy công trình chưa phát huy hết tác dụng theo thiết kế ban đầu.

b.1.4 Hiện trạng các công kè chống sạt lở:

Trong những năm qua, trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi đã đầu tư xây dựng một số công trình chống sạt lở bờ sông, suối như: Kè chống sạt lở sông Trà Bồng đoạn xã Trà Phú; Kè Suối Nang, Suối Bồi TT Trà Xuân; Kè Chống sạt lở bờ sông Giang đoạn xã Trà Bùi, kè Sông Liên Ba Tư, Kè Sông Rin đoạn Thị trấn Di Lăng, Kè Suối Huy Mãng huyện Sơn Tây v.v... Hầu hết các công trình này đã phát huy hiệu quả tác dụng chống sạt lở bờ sông đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân cũng như bảo vệ công trình hạ tầng xã hội, góp phần thay đổi cảnh quan môi trường vùng dự án.

Tuy nhiên trước sự thay đổi bất thường của thời tiết, mưa lũ cực đoan xuất hiện ngày càng nhiều với cường suất ngày càng lớn dẫn đến dòng chảy trong các con sông suối thay đổi bất thường đặc biệt các trận lũ lớn (lũ lịch sử) xuất hiện nhiều, đỉnh lũ năm sau có xu hướng cao hơn năm trước do vậy sạt lở bờ sông diễn ra ngày càng nghiêm trọng.

Cụ thể diễn biến xói lở các đoạn sông thuộc Sông Trà Bồng và Sông Giang huyện Trà Bồng như sau:

(i) Các đoạn sạt lở sông Trà Bồng

Sông Trà Bồng đoạn chảy qua xã Trà Sơn, Trà Phú và Thị Trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng có độ dốc lớn, dòng chảy xiết, hàng năm vào mùa mưa bão sự xâm thực của dòng chảy ảnh hưởng đến 105 hộ dân, hạ tầng kỹ thuật và khoảng 30ha đất sản xuất của người dân. Địa phương đã đầu tư kiên cố một số đoạn kè chống sạt lở bờ sông như Kè Sông Trà Bồng L=500m, Kè suối Nang 4.000m, suối Bồi 1.200m cơ bản phát huy tác dụng.

Dọc sông Trà Bồng qua địa bàn xã Trà Sơn, Trà Phú và Thị Trấn Trà Xuân còn khoảng 2.520m tiếp tục bị sạt lở do các đợt mưa lũ năm 2020 đe dọa trực tiếp đến nhà cửa và đất sản xuất dù đã được nhân dân gia cố bảo vệ.

+ Đoạn 1: L=350m bảo vệ trực tiếp 32 hộ dân và trung tâm giáo dục thường xuyên, 0,5 đường giao thông, diện tích bảo vệ 1,8ha đất cơ sở sản xuất giống cây trồng. Bảo vệ, chống sạt lở mố cầu qua sông Trà Bồng (Trà Bồng đi Trà My).

+ Đoạn 2: L=890m bảo vệ trực tiếp 35 hộ dân, Trường nội trú dân tộc, trường tiểu học và các cơ quan hành chính xã Trà Sơn, 0,4 đường giao thông, diện tích bảo vệ 1,75ha đất sản xuất nông nghiệp. Bảo vệ, chống sạt lở mố cầu Đò qua sông Trà Bồng (thuộc tuyến quốc lộ 24C – Dung Quất đi Trà My).

+ Đoạn 4: L=780m bảo vệ trực tiếp 24 hộ dân, cơ sở sản xuất giống cây

trồng, 1,2 đường giao thông, diện tích bảo vệ 16,0ha đất sản xuất nông nghiệp

+ Đoạn 5: L=500m bảo vệ trực tiếp 14 hộ dân, diện tích bảo vệ 7,7ha đất sản xuất nông nghiệp.

(ii) Các đoạn sạt lở bờ sông Giang

Đoạn 2 bên bờ Sông Giang đoạn qua xã Trà Tân, huyện Trà Bồng với chiều dài khoảng 4 km, sông có độ dốc lớn, dòng chảy xiết, hàng năm vào mùa mưa bão sự xâm thực của dòng chảy ảnh hưởng trực tiếp đến 90 hộ dân, hạ tầng kỹ thuật và khoảng 5,1ha đất sản xuất của người dân. Năm 2014, Huyện Trà Bồng đã đầu tư đoạn xung yếu 200m (tại Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 21/1/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) cơ bản phát huy tác dụng, còn khoảng 3000m (gồm 4 vị trí) tiếp tục bị sạt lở do các đợt mưa lũ năm 2020. Chiều dài đoạn sạt lở dài khoảng 3000m này, hàng năm sạt lở bình quân 3-5m, đặc biệt mùa lũ năm 2020 sạt sỡ nhiều đoạn đe dọa trực tiếp đến nhà cửa và đất sản xuất dù đã được nhân dân gia cố bảo vệ.

- Đoạn 1: L=250m bảo vệ trực tiếp 15 hộ dân; 0,3km đường giao thông; diện tích bảo vệ 1,5ha đất hạ tầng.

- Đoạn 2: L=800m bảo vệ trực tiếp 13 hộ dân; 1,1km đường giao thông, diện tích bảo vệ 5,5ha đất hạ tầng.

- Đoạn 3: L=1.400m bảo vệ trực tiếp 20 hộ dân, 1,5km đường giao thông, diện tích bảo vệ 3,0ha đất hạ tầng và 1,8 ha đất sản xuất. Bảo vệ, chống sạt lở mô cầu qua sông Trà Tân- Trà Bùi.

- Đoạn 4: L=400m bảo vệ trực tiếp 42 hộ dân, 0,7km đường giao thông, diện tích bảo vệ 2,75ha đất hạ tầng và 3,3 ha đất sản xuất. Bảo vệ, chống sạt lở mô cầu qua sông Trà Tân- Trà Bùi.

b.2 Quy mô dự án

Quy mô dự kiến của các công trình được thể hiện tóm tắt trong Bảng 2

Bảng 1:

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
A	Đầu ra 1:	Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông
1	QNg-01: Nâng cấp tuyến đường Trà Tân – Cà Đam huyện Trà Bồng	+ Mục tiêu: Giải quyết mối giao lưu giữa các xã phía Tây Nam của huyện Trà Bồng với trung tâm Cụm xã Tân Bùi đi về hướng thành phố Quảng Ngãi (qua QL24B), cũng như kết nối với tuyến đường Di Lăng - Trà Trung (ĐT.626) về trung tâm huyện Sơn Hà và huyện Tây Trà (cũ) qua tuyến đường từ đường Di Lăng - Trà Trung (ĐT.626) đi thôn Quế, đi huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam qua QL24C sẽ tạo ra một động lực mới thúc đẩy

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		<p>phát triển kinh tế – xã hội cho các xã đặc biệt khó khăn của huyện Trà Bồng, điều này có ảnh hưởng tích cực đến đời sống của nhân dân trong xã. Tuyến đường sẽ giải quyết được nhu cầu đi lại thiết thực của nhân dân, tuyến xuyên suốt qua các xã sẽ tạo được điều kiện giao lưu, trao đổi kinh tế, xóa bỏ cách làm ăn tự cấp, tự túc và có đường cho con em học sinh đến trường, cơ hội mới cho mục tiêu xoá đói giảm nghèo của các xã trong vùng dự án</p> <p>+ Phạm vi: Dự án dự kiến triển khai trên địa bàn xã Trà Tân, Trà Bùi, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>+ Quy mô: Dự án được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi (TCVN 4054-05). Chiều dài L=14,5 km, và các công trình trên tuyến.</p> <p>+ Tổng mức đầu tư và nguồn vốn: Dự kiến là 85,0 tỷ đồng;</p> <p>+ Đối tượng hưởng lợi: Khoảng trên 4.235 người dân trong đó có khoảng 91% là người dân tộc thiểu số của các xã Trà Tân và Trà Bùi.</p>
2	<p>QNg-02: Nâng cấp tuyến đường từ đường Trường Sơn Đông đi xã Sơn Liên huyện Sơn Tây</p>	<p>+ Mục tiêu:</p> <p>Tuyến đường được đầu tư sẽ kết nối từ đường Trường Sơn Đông với các xã Sơn Mùa, Sơn Liên của huyện Sơn Tây và được kết nối với đường tỉnh ĐT.676 tại km63+646 thuộc xã ĐăkNên, huyện KonPlong, tỉnh KonTum. Đây là tuyến đường giao thông quan trọng tạo mối giao thương liên kết các xã thuộc huyện Sơn Tây, huyện Konplong và thành phố Quảng Ngãi, tạo thành một trục giao thông liên hoàn vùng Đông Bắc tỉnh Kon Tum và vùng Tây Nam tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Tuyến đường từ Trường Sơn Đông đi xã Sơn Liên của huyện Sơn Tây và được kết nối với Hồ Chí Minh, Đăk Hà, tỉnh KonTum được Quy hoạch là tuyến Quốc lộ 24D tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>+ Phạm vi: Dự án dự kiến triển khai trên địa bàn xã Sơn Mùa và xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>+ Quy mô: Nâng cấp mở rộng nền, mặt đường đoạn từ Km1+380 – Km18+00 trên cơ sở tuyến đường hiện hữu, đảm bảo theo tiêu chuẩn đường Cấp V- miền núi (Theo TCVN 4054-05). Chiều dài đoạn tuyến xây dựng là: L = 16,62km</p>

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		<p>+ Tổng mức đầu tư: Khoảng 178,0 tỷ đồng.</p> <p>+ Đối tượng hưởng lợi: Số hộ hưởng lợi trực tiếp khoảng 1.258 hộ (khoảng 5.200 người dân, trong đó khoảng 4.653 người dân tộc Ca Dong) trong các xã Sơn Mùa, xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi. Ngoài ra số người hưởng lợi gián tiếp lên đến hàng trăm nghìn người dân trong các khu vực lân cận (huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum và H. Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi) lưu thông trên tuyến này.</p>
B	Đầu ra 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp	
B.1	03 Tiêu dự án cấp nước sinh hoạt	
3	<p>QNg-03: Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Ba Tơ (TT Ba Tơ và xã Ba Động)</p>	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt: QCVN 01-1/2018/BYT của Bộ Y tế, giải quyết nhu cầu sử dụng nước sạch sinh hoạt, cải thiện chất lượng cuộc sống, cải tạo vệ sinh môi trường, nâng cao sức khỏe của dân cư Thị trấn Ba Tơ và xã Ba Động. <p>Phạm vi: Dự án được dự kiến xây dựng trên địa bàn Thị trấn Ba Tơ và Xã Ba Động huyện Ba Tơ.</p> <p>Qui mô:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất cấp nước : 3.000m³/ngđ. - Hạng mục công trình Đầu tư xây dựng mới: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình thu nước. + Trạm bơm cấp nước + Trạm xử lý nước. + Tuyến ống truyền dẫn nước sạch. - Tần suất đảm bảo cấp nước: P= 90% <p>Tổng mức đầu tư và nguồn vốn: Khoảng 40,0 tỷ đồng;</p> <p>Đối tượng hưởng lợi: Gồm 2706 hộ gia đình với 9894 nhân khẩu, trong đó có 1014 hộ với hơn 3445 khẩu là đồng bào dân tộc Hre.</p>
6	<p>QNg-04: Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Trà Bồng (xã</p>	<p>Mục tiêu:</p> <p>Cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt: QCVN 01-1/2018/BYT của Bộ Y tế, giải quyết nhu cầu sử dụng nước sạch sinh hoạt, cải thiện chất lượng cuộc sống,</p>

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
	<p>Trà Sơn, TT Trà Xuân, xã Trà Phú và xã Trà Bình)</p>	<p>cải tạo vệ sinh môi trường, nâng cao sức khoẻ của dân cư các xã Trà Sơn, Trà Phú, Trà Bình và TT Trà Xuân huyện Trà Bồng.</p> <p>Phạm vi: Dự án được dự kiến xây dựng trên địa bàn Thị trấn Trà Xuân, các xã Trà Sơn, Trà Phú và Trà Bình huyện Trà Bồng</p> <p>Quy mô dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất cấp nước : 3.500m³/ngđ. - Hạng mục công trình Đầu tư xây dựng mới: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình thu nước. + Trạm bơm cấp nước + Trạm xử lý nước. + Tuyến ống truyền dẫn nước sạch. - Tần suất đảm bảo cấp nước: P= 90% <p>Tổng mức đầu tư và nguồn vốn: Khoảng 52,0 tỷ đồng;</p> <p>Đối tượng hưởng lợi: Gồm 5814 hộ gia đình với 20.052 nhân khẩu, trong đó có 347 hộ với hơn 1370 khẩu là đồng bào dân tộc Cor.</p>
7	<p>QNg-05: Xây dựng hệ thống tưới và cấp nước sinh hoạt xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà</p>	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp nước tưới chủ động cho khoảng 95 ha đất canh tác thuộc xã Sơn Bao. Đảm bảo nguồn lương thực tại chỗ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế thông qua việc nâng cao năng suất cây trồng và chuyển đổi từ cây trồng truyền thống sang các loại cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng có giá trị kinh tế cao. - Cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt: QCVN 01-1/2018/BYT của Bộ Y tế, giải quyết nhu cầu sử dụng nước sạch sinh hoạt, cải thiện chất lượng cuộc sống, cải tạo vệ sinh môi trường, nâng cao sức khoẻ của dân cư xã Sơn Bao huyện Sơn Hà. <p>Phạm vi: Dự án được dự kiến xây dựng tại xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Quy mô dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyến ống: tuyến ống chính dài 13km gồm 01 đường ống cấp nước sinh hoạt và 01 đường ống cấp nước nông nghiệp. - Khu xử lý nước công suất 600m³ ngày/đêm và Tuyến ống nhánh cấp nước sinh hoạt - Các tuyến kênh nội đồng cung cấp nước phục vụ sản xuất.

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		<p>Tổng mức đầu tư : Dự kiến là 31,0 tỷ đồng;</p> <p>Đối tượng hưởng lợi: Gồm 679 hộ với 2.697 người, trong đó có khoảng 1.998 người dân tộc H're.</p>
B2	03 Tiểu dự án thủy lợi	
1	<p>Tiểu dự án QNg06: Khôi phục các công trình thủy lợi huyện Ba Tơ (gồm công trình: Ka La, Mang Voang, đập Làng Xi, Đập Nước Lầy, Cụm Đập Tà Noát-Am Ré, Đập Mang Biều)</p>	<p>Mục tiêu: Sửa chữa; Khôi phục và nâng cấp 06 cụm công trình thủy lợi nhằm đảm bảo cấp nước tưới tự chảy cho 420ha đất sản xuất nông nghiệp thuộc các xã Ba Vinh, Ba Tô, Ba Ngạc và Ba Tiêu huyện Ba Tơ.</p> <p>Phạm vi: Xây dựng trên địa bàn các xã Ba Vinh, Ba Tô, Ba Ngạc và Ba Tiêu huyện Ba Tơ</p> <p>Quy mô dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm đầu mối thu nước: Đầu tư sửa chữa 02 đập đã có bằng bê tông đã bị hư hỏng gồm: Đập Mang Biều và Nước Lầy; Khôi phục và nâng cấp 04 đập đã có bằng đất, đá v.v đã bị lũ cuốn trôi gồm: Đập Ka la, Đập Mang Voang, đập Làng Xi và đập Tà Noát-Am ré . - Tuyến kênh và công trình trên kênh: Đầu tư xây dựng các tuyến kênh với tổng chiều dài L= 26,5km. Trong đó: Xây dựng trên nền kênh đã có L = 10,0km, xây dựng tuyến mới L = 16,5km. Lưu lượng thiết kế kênh $Q_{tk} = 0,01 \div 0,30 m^3/s$. - Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng các tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với tổng chiều dài 6,0km. <p>Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đập Ka La: Thiết kế cấp nước tưới cho 120 ha. + Cụm đầu mối thu nước: Khôi phục đập cũ là đập bồi bằng đất, đá bị lũ cuốn trôi thành đập mới bằng bê tông và BTCT. Tổng chiều dài đập L= 70m, Chiều cao đập Hamx = 5,5m (Phân nhô lên mặt đất h= 2,5m). + Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài L= 4,0km, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có 0,5km và xây dựng mới 3,5km, lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,30 \div 0,01 m^3/s$. + Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài 1,0km, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m bằng BT. - Đập Mang Voang: Thiết kế cấp nước tưới cho 25ha. + Cụm đầu mối thu nước: Khôi phục đập cũ là đập bồi bằng đất,

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		<p>đá bị lũ cuốn trôi thành đập mới bằng bê tông và BTCT. Chiều dài đập $L = 41\text{m}$, Chiều cao đập $H_{\text{max}} = 4,0\text{m}$ (Phân nhô lên mặt đất $h = 2,0\text{m}$).</p> <p>+ Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 2,0\text{km}$, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có $0,5\text{km}$ và xây dựng mới $1,5\text{km}$, lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,05 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$.</p> <p>+ Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài $1,0\text{km}$, nền đường rộng $5,0\text{m}$, mặt đường rộng $3,5\text{m}$ bằng BT.</p> <p>- Đập Làng Xi: Thiết kế cấp nước tưới cho 110ha.</p> <p>+ Cụm đầu mối thu nước: Khôi phục đập cũ là đập bồi bằng đất, đá bị lũ cuốn trôi thành đập mới bằng bê tông và BTCT. Chiều dài đập $L = 50\text{m}$, Chiều cao đập $H_{\text{max}} = 4,5\text{m}$ (Phân nhô lên mặt đất $h = 2,5\text{m}$).</p> <p>+ Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 4,0\text{km}$, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có $1,5\text{km}$ và xây dựng mới $2,5\text{km}$ lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,27 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$.</p> <p>+ Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài $1,0\text{km}$, nền đường rộng $5,0\text{m}$, mặt đường rộng $3,5\text{m}$ bằng BT.</p> <p>- Đập Nước Lầy: Thiết kế cấp nước tưới cho 45ha</p> <p>+ Cụm đầu mối thu nước: Sửa chữa các hư hỏng của tuyến đập bằng bê tông dài 20m, cao $H_{\text{max}} = 3,5\text{m}$ và các chi tiết thuộc cụm đầu mối thu nước đã có.</p> <p>+ Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 5,0\text{km}$, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có $1,5\text{km}$ và xây dựng mới $3,5\text{km}$, lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,11 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$.</p> <p>+ Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài $1,0\text{km}$, nền đường rộng $5,0\text{m}$, mặt đường rộng $3,5\text{m}$ bằng BT.</p> <p>- Đập Tà Noát – Am Ré: Thiết kế cấp nước tưới cho 60ha</p> <p>+ Cụm đầu mối thu nước: Khôi phục đập cũ là đập bồi bằng đất, đá bị lũ cuốn trôi thành đập mới bằng bê tông và BTCT. Chiều dài đập $L = 30\text{m}$, Chiều cao đập $H_{\text{max}} = 5,0\text{m}$ (Phân nhô lên mặt đất $h = 2,0\text{m}$).</p> <p>+ Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 6,0 \text{ km}$,</p>

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		<p>trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có 3,5km và xây dựng mới 2,5km lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,15 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$.</p> <p>+ Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài 1,0km, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m bằng BT.</p> <p>- Đập Mang Biều: Thiết kế cấp nước tưới cho 60ha</p> <p>+ Cụm đầu mối thu nước: Sửa chữa các hư hỏng của tuyến đập bằng bê tông tông dài 20m, cao $H_{\max} = 3,5\text{m}$ và các chi tiết thuộc cụm đầu mối thu nước đã có.</p> <p>+ Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 5,5 \text{ km}$, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có 2,5km và xây dựng mới 3,0km, lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,15 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$.</p> <p>+ Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài 1,0km, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m bằng BT.</p> <p>Tổng mức đầu tư: 92,5 tỷ đồng</p> <p>Đối tượng hưởng lợi: Gồm 1.066 hộ với 3.993 người, trong đó hầu hết là dân tộc H're.</p>
2	<p>Tiểu dự án QNg07: Khôi phục các công trình thủy lợi huyện Trà Bồng (gồm công trình: Xen Bay, Nước Nun, Hồ Hồ Leo)</p>	<p>Mục tiêu: Sửa chữa; Khôi phục và nâng cấp các công trình thủy lợi nhằm đảm bảo cấp nước tưới tự chảy cho 166ha đất sản xuất nông nghiệp thuộc các xã Trà Sơn, Trà Phú và TT Trà Xuân huyện Trà Bồng.</p> <p>Phạm vi: Xây dựng trên địa bàn các xã Trà Sơn, Trà Phú và TT Trà Xuân huyện Trà Bồng.</p> <p>Quy mô dự kiến:</p> <p>- Cụm đầu mối thu nước: Đầu tư sửa chữa 01 cụm đập bê tông bị hư hỏng nhỏ (đập Xen Bay); sửa chữa 01 cụm đầu mối đập đất; Khôi phục và nâng cấp 01 cụm đập bồi bị lũ cuốn trôi (Đập Nước Nun).</p> <p>- Tuyến kênh và công trình trên kênh: Tổng chiều dài tuyến kênh đầu tư xây dựng $L = 11,0\text{km}$. Trong đó: Xây dựng trên nền kênh đã có $L = 3,6\text{km}$, xây dựng tuyến mới $L = 7,4\text{km}$. Lưu lượng thiết kế kênh $Q_{tk} = 0,01 \div 0,23 \text{ m}^3/\text{s}$.</p> <p>+ Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng các tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài 1,0km, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m bằng BT.</p> <p>Cụm thể như sau:</p>

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		<p>- Cụm đập Xen Bay (Xen Bay trên và Xen Bay dưới): Thiết kế cấp nước tưới tự chảy cho 116ha (116=96 +20ha).</p> <p>+ Cụm đầu mối thu nước: Sửa chữa tuyến đập Xen bay trên bằng bê tông, chiều dài L= 10 m, Chiều Hamx = 1,5m (Phân nhô lên mặt đất h= 1,1 m). Sửa chữa tuyến đập Xen Bay dưới bằng bê tông, chiều dài L= 50 m, Chiều Hamx = 2,5m (Phân nhô lên mặt đất h= 2,2 m).</p> <p>+ Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT với tổng chiều dài 7,3km, bao gồm: kênh Đập Xen Bay trên dài L=3,5km và kênh đập Xen Bay dưới dài L=3,8km. Trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có 1,9km và xây dựng mới 5,4km, lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,23 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$.</p> <p>- Đập Nước Nun: Thiết kế cấp nước tưới cho 25ha.</p> <p>+ Cụm đầu mối thu nước: Xây dựng mới tuyến đập bằng bê tông, chiều dài L= 20m, Chiều Hamx = 3,5 (Phân nhô lên mặt đất h= 2,4m).</p> <p>+ Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên tuyến bằng BTCT dài L=3,2km. Trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có 1,2km và xây dựng mới 2,0km, lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,06 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$.</p> <p>+ Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài 0,5km, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m bằng BT.</p> <p>- Hồ Hổ leo: Thiết kế cấp nước tưới cho 25ha</p> <p>+ Cụm đầu mối hồ chứa nước: Đập đất (Chiều cao H=5m; chiều dài L=50m): Gia cố lại mái đập bằng BT và BTCT M250 (đoạn hư hỏng). Chống thấm thân đập bằng chân khay thượng lưu. Tràn xả lũ (Bề rộng B=4,0m, cao H=1,3m): Sửa chữa, gia cố tuyến tràn bằng BTCT đảm bảo an toàn tháo lũ. Nâng cao tường vai phân không tràn để đảm bảo không xói lở vai tràn. Gia cố hạ lưu hai vai tràn để tránh sạt lở đe dọa đến công trình và nhà dân.</p> <p>+ Tuyến kênh và công trình trên kênh: Kênh và CTTK: Kiên cố hóa trên nền kênh đã có L=0,5km; Lưu lượng thiết kế $Q_{tk} = 0,06 \text{ m}^3/\text{s}$;</p> <p>+ Đường thi công kết hợp quản lý: L= 500m, kích thước B=3,5m, kết cấu BTXM M250 dưới lót đá dăm 1x2cm</p> <p>- Tổng mức đầu tư : 29,5 tỷ đồng</p>

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		<p>- Đối tượng hưởng lợi: Gồm 1.824 hộ với 8.250 người, trong đó hầu hết là dân tộc Cor.</p>
3	<p>Tiểu dự án QNg08: Khôi phục các công trình thủy lợi huyện Sơn Hà (gồm công trình: kênh Hồ chứa nước Di Lăng, đập Pring, đập Nước Lác, đập Tà Pa và đập Xô Lô)</p>	<p>Mục tiêu: Sửa chữa; Khôi phục và nâng cấp các công trình thủy lợi đã bị hư hỏng nhằm đảm bảo cấp nước tưới tự chảy cho 1.128ha đất sản xuất nông nghiệp thuộc các xã Sơn Thành, Sơn Trung, Sơn Hải, Sơn Thượng, Sơn Cao và TT Di Lăng huyện Sơn Hà.</p> <p>Phạm vi: Xây dựng trên địa bàn các xã Sơn Thành, Sơn Trung, Sơn Hải, Sơn Thượng, Sơn Kỳ và TT Di Lăng huyện Sơn Hà..</p> <p>Quy mô dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm đầu mối thu nước: Đầu tư sửa chữa 04 cụm đập bê tông bị hư hỏng bao gồm: đập Pring; Đập Nước Lác; đập Tà Pa và đập Xô Lô. - Tuyến kênh và công trình trên kênh: Tổng chiều dài tuyến kênh đầu tư xây dựng $L = 36,5\text{km}$. Trong đó: Xây dựng trên nền kênh đã có $L = 22,5\text{km}$, xây dựng tuyến mới $L = 14,0\text{km}$. Lưu lượng thiết kế kênh $Q_{tk} = 0,01 \div 1,25\text{m}^3/\text{s}$. + Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình (đập Xô Lô) với chiều dài 5,0km, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m bằng BT. + Nhà quản lý: khôi phục 01 nhà quản lý đã có. <p>Cụm thể như sau:</p> <p>(1) Kênh Hồ chứa nước Di Lăng: Thiết kế cấp nước tưới cho 453ha</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khôi phục lại 14,6km kênh bằng vật liệu bê tông cốt thép, mặt cắt kênh hình chữ nhật, theo tuyến hiện trạng. Lưu lượng thiết kế kênh $Q_{tk} = 0,12 \div 0,56\text{m}^3/\text{s}$ - Xây dựng mới 4,4km kênh, mặt cắt kênh hình chữ nhật, vật liệu kênh bằng bê tông cốt thép để cung cấp nước tưới chủ động. Lưu lượng thiết kế kênh $Q_{tk} = 0,01 \div 0,12\text{m}^3/\text{s}$ - Tổng chiều dài kênh sửa chữa và làm mới dài 19km. <p>(2) Đập Pring: Thiết kế cấp nước tưới cho 250ha</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm đầu mối: sửa chữa thay mới thiết bị cơ khí cửa lấy nước và cống xả cát. - Khôi phục lại 8,6km kênh bằng vật liệu bê tông cốt thép, mặt cắt kênh hình chữ nhật, đảm bảo như mặt cắt kênh hiện trạng, làm mới một số công trình trên kênh để phục vụ vận hành, điều tiết

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		<p>nước. Lưu lượng thiết kế kênh $Q_{tk} = 0,01 \div 0,60 \text{ m}^3/\text{s}$</p> <p>(3) Đập Nước Lác: Thiết kế cấp nước tưới cho 150ha</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm đầu mối thu nước: Sửa chữa, nâng cao đỉnh đập, sửa chữa cống lấy nước, cống xả cát và hai vai đập nhằm đảm bảo lấy nước tưới tự chảy theo yêu cầu vùng tưới phía hạ lưu. - Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 5,5 \text{ km}$, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có $2,5 \text{ km}$ và xây dựng mới $3,0 \text{ km}$, lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,3 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$. <p>(4) Đập Tà Pa: Thiết kế cấp nước tưới cho 125ha</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cụm đầu mối thu nước: Sửa chữa các hư hỏng của tuyến đập bằng bê tông tông dài 30 m, cao $H_{\max} = 3,5 \text{ m}$ và các chi tiết thuộc cụm đầu mối thu nước đã có. + Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 2,5 \text{ km}$, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có $1,5 \text{ km}$ và xây dựng mới $1,0 \text{ km}$, lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,25 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$. <p>(5) Đập Xô Lô: Thiết kế cấp nước tưới cho 150ha</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cụm đầu mối thu nước: Sửa chữa các hư hỏng của tuyến đập bằng bê tông tông dài 50 m, cao $H_{\max} = 4,5 \text{ m}$ và các chi tiết thuộc cụm đầu mối thu nước đã có. + Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 5,5 \text{ km}$, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có $3,5 \text{ km}$ và xây dựng mới $2,0 \text{ km}$, lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,30 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$. <p>+ Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài $4,0 \text{ km}$, nền đường rộng $5,0 \text{ m}$, mặt đường rộng $3,5 \text{ m}$ bằng BT.</p> <p>Tổng mức đầu tư : Khoảng 93,0 tỷ đồng.</p> <p>Đối tượng hưởng lợi: Gồm 2.736 hộ với 10.802 người, trong đó 1642 hộ với 6480 khẩu là dân tộc Hre.</p>
B.3	Tiểu dự án Kè chống sạt lở	
1	Tiểu dự án QNg09: Khắc phục sạt lở bờ sông Trà Bồng và sông	<p>Mục tiêu: Khắc phục sạt lở bờ sông Trà Bồng (đoạn qua các khu dân cư của xã Trà Thủy, Trà Sơn, xã Trà Phú, Thị trấn Trà Xuân) và Sông Giang (đoạn qua các xã Trà Tân, Trà Bùi) nhằm bảo vệ cho khoảng 613 hộ với 2643 người, đường giao thông liên huyện, hạ tầng kỹ thuật gần bờ sông gồm đường sá, cầu cống trụ sở cơ</p>

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
	<p>Giang đoạn qua huyện Trà Bồng</p>	<p>quan, đơn vị đóng trên địa bàn..., đất sản xuất của người dân</p> <p>Phạm vi: Xây dựng kè chống sạt lở bờ Trà Bồng qua khu dân cư của xã Trà Thủy, Trà Sơn, Trà Phú, Thị trấn Trà Xuân và Sông Giang đoạn qua các xã Trà Tân, Trà Bùi.</p> <p>Quy mô dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Trà Bồng dạng kè mái nghiêng bằng tấm bê tông xếp trong khung BTCT với tổng chiều dài 2,52km, bao gồm 04 đoạn tuyến. Chiều cao kè H = (4÷10)m. - Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Giang dạng kè mái nghiêng bằng tấm bê tông xếp trong khung BTCT với tổng chiều dài 2,70km, bao gồm 04 đoạn tuyến. Chiều cao kè H = (4÷7,5)m. <p>Tổng mức đầu tư: 100,0 tỷ đồng</p> <p>Đối tượng hưởng lợi: Gồm 613hộ với 2643 người, trong đó hầu hết là dân tộc H're. Trong đó:</p> <p>(Kè sông Trà Bồng: Gồm 376 hộ (Bảo vệ Trực tiếp 105+ vùng lân cận: 271) với 1.473 người. Kè sông Giang: Gồm 260 hộ (Bảo vệ Trực tiếp 60+ vùng lân cận: 200 hộ với 1.170 người).</p>
C	<p>Đầu ra 3: Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu</p>	<p>Mục tiêu: Lắp đặt các hệ thống để dự báo và theo dõi các sự kiện khí hậu cực đoan nhằm cung cấp thông tin cho quy hoạch, đầu tư và quản lý hạ tầng. Các hệ thống đó bao gồm các trạm khí tượng thủy văn tiên tiến, cảm biến từ xa, nâng cấp các hệ thống quản lý dữ liệu hỗ trợ. Các hệ thống này sẽ tạo điều kiện ra quyết định tốt hơn nhờ có dữ liệu địa phương đáng tin cậy hơn được điều chỉnh theo tác động biến đổi khí hậu dự báo đối với các yếu tố thủy văn và được dùng làm thông tin điều vào để thiết kế kỹ thuật chi tiết.</p> <p>Phạm vi: Trên toàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Quy mô dự kiến: Đầu tư xây dựng, lắp đặt và ứng dụng các công nghệ đối với các trạm khí tượng, thủy văn cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm khí tượng hải văn tự động: 01 Trạm đáp ứng việc đo gió, lượng mưa đo sóng, dòng chảy, mực nước. - Trạm đo mặn tự động cố định: 03 trạm, đặt tại sông Trà Bồng (01 trạm), sông Trà Khúc (01 trạm) và sông Vệ (01 trạm). - Hệ thống trạm cảnh báo lũ sớm và ngập lụt hạ du: 01 Hệ thống, bao gồm 07 trạm đo mực nước tự động; 03 camera giám sát; 10 trạm đo mưa tự động. - Trạm cảnh báo giông sét: 01 trạm đáp ứng hiển thị dữ liệu

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		<p>trên màn hình trung tâm, còi báo động khi chuẩn bị có giông sét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống CDH: 01 hệ thống có chức năng: lưu trữ các loại dữ liệu khí tượng thủy văn, hải văn, hồ chứa trong quá khứ (đã được số hóa), dữ liệu quan trắc tự động trong dự án CRIEM; hiển thị dữ liệu tích hợp; trích xuất dữ liệu, tạo báo cáo theo yêu cầu người sử dụng. - Thiết bị đo mặn cầm tay: 02 thiết bị đo mặn di động. - Trạm đo gió tự động: 04 trạm. - Trạm cảnh báo sạt lở đất: 10 trạm. <p>Tổng mức đầu tư và nguồn vốn: Tổng mức đầu tư dự án là 1 triệu USD, lấy từ nguồn vốn tài trợ không hoàn lại của ADB.</p>

2. Dự kiến kết quả chính của chương trình, dự án:

Kết quả chủ yếu của dự án là:

Đầu ra 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông

Dự án đầu tư 02 tiểu dự án về nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn liên xã thuộc các huyện: Sơn Tây và Trà Bồng với tổng chiều dài 31,12km đường có tính tới yếu tố thích ứng với biến đổi khí hậu (đường, cầu, đập tràn, gia cố ta luy...), cải tạo và nâng cấp đường giao thông, nhằm cải thiện tính kết nối và tiếp cận giao thông đặc biệt tới các cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số, kết nối những khu vực đất đai phì nhiêu nhưng xa xôi với những vùng kinh tế phát triển hơn của địa phương.

Đầu ra 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp, bao gồm 07 tiểu dự án:

- 03 tiểu dự án cấp nước sinh hoạt

Xây dựng 03 tiểu dự án cấp nước sinh hoạt trên địa bàn các huyện Ba Tơ, huyện Trà Bồng và Sơn Hà nhằm cung cấp nước sinh hoạt đảm bảo vệ sinh theo quy định hiện hành của Bộ Y Tế cho hơn 30.000 người năm 2025 và 40.000 người đến năm 2030.

- 03 Tiểu dự án thủy lợi

Xây dựng cải tạo, khôi phục và sửa chữa nâng cấp 03 tiểu dự án thủy lợi thuộc các huyện Ba Tơ, Trà Bồng và Sơn Hà nhằm phục vụ nước tưới cho hơn 1.714ha đất sản xuất nông nghiệp (Ba Tơ 420ha; Trà Bồng 166ha; Sơn Hà 1.128ha), tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu; làm cơ sở cho việc xây dựng được những khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, tạo ra chuỗi giá trị hướng đến xuất khẩu nông nghiệp. Tạo nguồn và phát triển cơ sở hạ tầng hiện đại nhằm thực hiện chuyển đổi sang diện tích đất lúa hữu cơ, lúa chất

lượng cao; cây màu, cây ăn quả kết hợp áp dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước vào trong sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả giá trị cây trồng và tăng nguồn thu nhập cho 5.626 hộ và 23.045 người.

- 01 Tiểu dự án Kè chống sạt lở.

Xây dựng các công trình kè chống sạt lở bờ sông Trà Bồng và sông Giang với tổng chiều dài 5,22km nhằm bảo vệ trực tiếp cho hơn 165 hộ gia đình (Sông Trà Bồng 105 hộ, Sông Giang 60hộ) sống trong vùng ảnh hưởng sạt lở và hơn 450 hộ sinh sống vùng lân cận.

Đầu ra 3:

Xây dựng và nâng cấp thiết bị công nghệ, hệ thống cảnh báo, phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Dự kiến thời gian thực hiện của chương trình, dự án.

Bảng 2: Dự kiến tiến độ thực hiện dự án

TT	Nội dung	Thời gian hoàn thành
A	Giai đoạn chuẩn bị	
1	Trình phê duyệt chủ trương đầu tư	Tháng 8/2023
2	Phê duyệt chủ trương đầu tư	Tháng 9/2023
3	UBND Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) các tiểu dự án	Tháng 12/2023
4	Đàm phán khoản vay	Tháng 01/2024
5	Ban Giám đốc ADB phê duyệt khoản vay	Tháng 02/2024
6	Ký Hiệp định và hiệu lực khoản vay	Tháng 03/2024
B	Giai đoạn thực hiện	
1	Tuyển chọn Tư vấn TKBVTC	Tháng 12/2023
2	Lập/Phê duyệt thiết kế BVTC	Tháng 02/2024
3	Tuyển chọn các Tư vấn GSXD và các Tư vấn khác (TV môi trường, đền bù tái định cư...)	Tháng 12/2023
4	Thống kê đền bù GPMB	Tháng 12/2023
5	Rà phá bom mìn, vật liệu nổ	Tháng 02/2024
6	Lập HSMT và Tuyển chọn Nhà thầu xây dựng	Tháng 04/2024
7	Xây dựng công trình	Tháng 04/2024 -:- 12/2026

TT	Nội dung	Thời gian hoàn thành
8	Kết thúc xây dựng và bàn giao	Tháng 01/2027
C	Giai đoạn kết thúc	
1	Báo cáo đánh giá cuối cùng	Tháng 06/2027

4. Dự kiến tổng mức, cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án và đề xuất cơ chế tài chính:

4.1 Cơ sở xác định tổng mức:

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Dựa trên thiết kế sơ bộ, tiến hành tính toán khối lượng, xác định chi phí xây dựng công trình theo phương pháp lập dự toán căn cứ theo định mức, đơn giá hiện hành.

4.2 Giá trị tổng mức đầu tư: 750,208 tỷ đồng (Bảy trăm năm mươi tỷ, hai trăm không tám triệu đồng), tương đương 32,991 triệu USD (1USD = 22.740 đồng).

Bảng 3 Tổng mức đầu tư.

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị sau thuế (Tỷ đồng)
1	Chi phí xây dựng	520,950
2	Chi phí thiết bị (Xây lắp+Tb Hợp phần 3)	36,240
3	Chi phí Quản lý dự án	6,835
4	Chi phí tư vấn đầu tư XD	25,336
5	Chi phí đền bù, GPMB	70,100
6	Các chi phí khác	7,281
7	Dự phòng	59,066
8	Lãi vay trong thời gian XD	26,468
9	Tổng	750,208

Trong đó:

- Đầu ra 1: 273,200 tỷ đồng (khoảng 12,014 triệu USD);
- Đầu ra 2: 454,296 tỷ đồng (khoảng 19,977 triệu USD);
- Đầu ra 3: 22,740 tỷ đồng (khoảng 1,000 triệu USD, vốn viện trợ không hoàn lại).

4.3 Nguồn vốn:

- Vốn vay ADB là 534,45 tỷ đồng, tương đương 23,503 triệu USD.
- Vốn viện trợ không hoàn lại là 22,740 tỷ đồng, tương đương 1,000 triệu USD.
- Vốn đối ứng ngân sách địa phương là 193,018 tỷ đồng, tương đương 8,488 triệu USD.

4.4 Điều kiện và điều khoản vay:

a. Điều kiện vay lại:

Theo các quy định của Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23/11/2017, Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ và Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết Luật ngân sách, để UBND cấp tỉnh được vay lại vốn vay ODA phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương do cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Chương trình, dự án đầu tư nêu trên có sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài;
- Mức dư nợ vay của ngân sách địa phương tại thời điểm đề nghị vay lại không vượt quá mức hạn mức dư nợ được phép;
- Ngân sách địa phương cam kết trả nợ đầy đủ, đúng hạn.

b. Khả năng đáp ứng điều kiện vay lại của tỉnh Quảng Ngãi

- Phân tích khả năng vay của tỉnh Quảng Ngãi

Khả năng vay vốn cho dự án được phân tích dựa trên số liệu dự báo về thu ngân sách, số liệu dư nợ và giải ngân của các dự án hiện tại và các dự án đang chuẩn bị của tỉnh. Số liệu làm việc với Sở Tài chính về khả năng vay nợ của tỉnh thể hiện trong bảng sau đây:

Bảng 4. Phân tích khả năng vay của tỉnh Quảng Ngãi

DVT: Tỷ đồng

TT	NỘI DUNG	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Trần nợ công được phép theo quy định	4.422	3.984	3.912	6.489	4.272	4.536	5.527

	Kế hoạch vay và trả nợ vay							
II	Dư nợ đầu năm	182,94	180,33	163,82	183,7	204,36	339,5	542,5
1	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (WB8)	14,1	30,9	33,8	49,0	53,5	48,1	42,7
2	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở" - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi sử dụng nguồn vốn vay WB			0,0	16,8	54,3	107,7	127,8
3	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (Dự án VILG)			0,0	7,3	5,4	14,5	12,6
4	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Quảng Ngãi						92,8	185,6
5	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần Quảng Ngãi						74,8	187,0
6	Dự án Phục hồi và Quản lý rừng bền vững khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - Dự án KFW9 (giai đoạn 1) tỉnh Quảng Ngãi						4,7	9,4
7	Dự án Năng lượng nông thôn II (REII)	168,8	149,4	130,0	110,6	91,2	71,7	52,2
III	Trả nợ gốc vay trong năm	19,4	19,4	24,4	26,8	26,7	29,5	32,4
1	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (WB8)	0,0		4,1	5,5	5,4	5,4	5,4

2	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở" - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi sử dụng nguồn vốn vay WB	0,0					2,8	5,7
3	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (Dự án VILG)	0,0		0,9	1,9	1,9	1,9	1,9
4	Dự án Năng lượng nông thôn II (REII)	19,4	19,4	19,4	19,4	19,4	19,4	19,4
IV	Vay trong năm	16,8	2,9	44,3	47,5	161,9	232,7	740,4
1	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (WB8)	16,8	2,9	19,3	10,0			
2	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở" - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi sử dụng nguồn vốn vay WB			16,8	37,5	53,4	22,9	
3	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (Dự án VILG)			8,2	0,0	11,0		
4	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Quảng Ngãi					92,8	92,8	92,8
5	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần Quảng Ngãi						112,23	130,94
6	Dự án Phục hồi và Quản lý rừng bền vững khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - Dự án KFW9 (giai đoạn 1) tỉnh Quảng					4,7	4,7	4,7

	Ngãi							
7	Xây dựng phát triển hạ tầng đô thị thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi							512,0
8	Dự án Năng lượng nông thôn II (REII)							
V	Tổng dư nợ cuối năm	180,33	163,82	183,72	204,36	339,56	542,61	1.250,55
	Tỷ lệ dư nợ tính trên trần nợ công	4,1	4,1	4,7	3,1	7,9	12,0	22,6

Nguồn Sở Tài chính, năm 2023

Bảng số liệu dư nợ của tỉnh Quảng Ngãi cho thấy hiện tỷ lệ dư nợ vay tính trên trần nợ công của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 là từ 4,7% - 22,6%, do đó Quảng Ngãi có thể sử dụng vốn vay để thực hiện dự án này.

4.4. Đề xuất cơ chế tài chính trong nước, dự kiến tiến độ giải ngân hàng năm (gắn với thời gian thực hiện chương trình, dự án).

a. Về tỷ lệ vay lại vốn vay ADB

Theo quy định của Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, Quảng Ngãi là địa phương có điều tiết về Ngân sách Trung Ương. Theo đó, áp dụng tỷ lệ cho vay lại là 70% vốn vay ODA và cấp phát 30% vốn ODA.

b. Thời gian vay và lãi suất vay:

Theo hướng dẫn của công văn số 13563/BTC – QLN ngày 04/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công khai thông tin về khung điều kiện vay của 6 Ngân hàng phát triển trên công thông tin điện tử của Chính Phủ và cơ chế vay cập nhật của khoản vay OCR công bố trên website của Ngân hàng Phát triển Châu Á ngày 16 tháng 3 năm 2023. Cơ chế tài chính của nguồn vốn vay thông thường cho dự án (OCR) lựa chọn cho dự án như sau:

- Thời gian vay: 25 năm
- Thời gian ân hạn: 5 năm
- Phí cam kết: 0,15%/năm
- Các loại phí: 0,15%/năm trên số tiền chưa giải ngân;
- Phụ phí 0,10% cho khoản vay có kỳ hạn trung bình từ 13-16 năm.

- Lãi suất: Bên vay có thể lựa chọn lãi suất thả nổi hoặc lãi suất cố định. Theo bản công bố của ADB về khoản vay OCR tại thời điểm tháng 3 năm 2023. Lãi suất áp dụng cho khoản vay USD như sau:

$$\begin{aligned} \text{Lãi suất thả nổi} &= \text{SOFR 6 tháng} + \text{biên độ bắt buộc} + \text{phụ phí} \\ &= 3,89122\% + 0,5\% + 0,1\% \\ &= 4,49122\% \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lãi suất cố định} &= \text{lãi suất cố định theo hợp đồng (fixed swap rate)} + \\ &\text{biên độ bắt buộc} + \text{phụ phí} \\ &= 3,197\% + 0,5\% + 0,1\% \\ &= 3,797\% \end{aligned}$$

Để có cơ sở lập bảng kế hoạch trả nợ và tính toán khả năng vay, trả nợ cho tỉnh Quảng Ngãi, trong báo cáo này, giả thiết rằng cơ chế tài chính được chọn với mức lãi suất cố định, với mức lãi suất này, tỉnh sẽ trả lãi trong suốt vòng đời dự án ở mức 3,797%. Với lựa chọn này, lãi vay trong thời gian xây dựng là 26,468 tỷ đồng và tổng trả lãi và các loại phí trong suốt dự án là 196,798 tỷ đồng.

Bảng 5. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư

TT	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư	Vốn đầu tư	Vốn đầu tư	Tỷ lệ
		(Tỷ đồng)	(Triệu USD)	%
I	Vốn vay OCR của ADB	534,450	23,503	71,24
	Đầu ra 1	205,950	9,057	
	Đầu ra 2	328,50	14,446	
1	Cấp phát từ NSTW (30%)	160,340	7,051	
2	Địa phương vay lại (70%)	374,120	16,452	
II	Vốn viện trợ không hoàn lại (Đầu ra 3)	22,740	1,000	3,03
III	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	193,018	8,448	25,73
Tổng cộng (I+II+III)		750,208	32,991	100,00

c. Dự kiến tiến độ giải ngân hàng năm (Trong thời gian thi công dự án)

Bảng 6: Dự kiến tiến độ giải ngân (tỷ đồng)

TT	Năm	Tỷ lệ	Giải ngân vốn vay phần NSTW cấp phát (30%)	Giải ngân vốn vay phần UBND tỉnh vay lại	Giải ngân vốn không hoàn lại	Giải ngân vốn đối ứng của tỉnh	Tổng cộng
----	-----	-------	--	--	------------------------------	--------------------------------	-----------

				(70%)			
1	2024	30.0%	48,101	112,235		57,905	219,240
2	2025	35.0%	56,117	130,940		67,556	254,614
3	2026	35.0%	56,117	130,940	22,740	67,556	277,354
4	Cộng	100.0%	160,335	374,115	22,740	193,018	750,208

5. Phương án sử dụng vốn vay; sử dụng vốn đối ứng, phương án bảo đảm tiền vay, phương án trả nợ.

5.1 Phương án sử dụng vốn vay: Tổng cộng vốn vay 534,45 tỷ đồng tương ứng 23,503 triệu USD (đầu tư cho hạng mục xây lắp, thiết bị của các đầu ra 1, 2).

Bảng 7. Phương án sử dụng vốn vay

TT	Nội dung chi phí	Giá trị	
		Tỷ đồng	Triệu USD
1	Chi phí xây lắp	473,591	20,826
2	Chi phí thiết bị	12,273	0,540
3	Chi phí dự phòng	48,586	2,137
4	Tổng cộng	534,450	23,503

5.2 Phương án sử dụng vốn đối ứng: 193,018 tỷ đồng

Vốn đối ứng được chi trả cho các hoạt động còn lại của dự án bao gồm các khoản thuế VAT và các khoản chi lãi vay.

5.3 Phương án bảo đảm tiền vay: UBND tỉnh Quảng Ngãi có văn bản cam kết trả nợ.

5.4 Phương án trả nợ.

Trước khi thỏa thuận Hiệp định vay, UBND tỉnh sẽ có quyết định phê duyệt phương án sử dụng vốn vay và trả nợ vay cho dự án.

Phương án trả nợ vay đối với nguồn vốn vay ADB cho dự án CRIEM dự kiến như sau:

- Giai đoạn 01 (2024-2027): 04 năm đầu thực hiện dự án (trả lãi): Là giai đoạn triển khai chuẩn bị và thực hiện dự án. Theo điều khoản vay của ADB, lãi vay sẽ được tích lũy vào dư nợ phải trả (gốc hóa), nhằm tạo điều kiện cho bên vay có thời gian chuẩn bị nguồn trả nợ và phân chia đều trả gốc và lãi dự kiến sẽ được tính từ năm 2027.

- Giai đoạn 02 (2027-2047): Các năm còn lại (trả nợ gốc và lãi): UBND tỉnh Quảng Ngãi sẽ cân đối, bố trí từ nguồn Ngân sách tỉnh (vốn đầu tư phát triển) để trả nợ gốc và lãi theo cam kết trong 20 năm.

Nguồn ngân sách trả nợ được cam kết bố trí từ nguồn Ngân sách tỉnh (vốn đầu tư phát triển được bố trí trong kế hoạch đầu tư trung hạn).

Thời hạn vay 25 năm trong đó có 5 năm ân hạn.

6. Đánh giá tác động:

6.1. Tác động về xã hội và môi trường:

6.1.1 Tác động về môi trường:

Các tác động môi trường tiềm ẩn của dự án được xác định trên cơ sở khảo sát thực địa và thảo luận với người dân địa phương, các chuyên gia môi trường và các cán bộ chính quyền tại cấp xã, huyện và tỉnh. Đồng thời dựa trên các quy định của Chính phủ và nhà tài trợ ADB đã được sử dụng để tham chiếu. Các tác động tích cực và tác động tiêu cực chính của Dự án có thể tóm tắt như sau:

a. Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với chiến lược bảo vệ môi trường:

Quy mô đầu dự án chủ yếu là đầu tư 02 tuyến đường; 03 cụm công trình cấp nước sinh hoạt, 14 cụm công trình thủy lợi quy mô rất nhỏ và 5,22 km kè bảo vệ bờ sông với tổng diện tích sử dụng đất cho cả dự án khoảng 133,2 ha trên địa bàn 04 huyện; đây là các hoạt động nâng cấp, cải tạo, phục hồi các hạng mục công trình đã có, đang vận hành khai thác mà không phải là công trình xây dựng mới nên không phát sinh các tác động làm thay đổi môi trường. Các ảnh hưởng đến môi trường của dự án chỉ diễn ra trong thời gian thi công với các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đào đắp công trình...các ảnh hưởng này sẽ được giảm thiểu thông qua các biện pháp môi trường cụ thể.

b. Các Tác động tích cực

(i) Đối với các dự án giao thông: việc cải tạo, nâng cấp các tuyến đường góp phần đáng kể trong việc tạo hành lang thông thoáng, cải thiện môi trường cảnh quan dọc tuyến. Các công trình dọc tuyến được xây dựng sẽ góp phần hạn chế sạt lở, bảo vệ môi trường đất và điều tiết dòng chảy.

(ii) Đối với các dự án cấp nước sinh hoạt: cùng với việc cấp nước sạch cho sinh hoạt của con người, các công trình cũng là nguồn cấp nước cho các hoạt động chăn nuôi và trồng trọt trong các mảnh vườn của các khu dân cư điều này góp phần cải thiện làm dịu mát môi không khí vào những ngày hè nắng gắt.

(iii) Đối với các dự án thủy lợi: Sau khi dự án hoàn thành, sẽ giảm nhẹ tác động của hạn hán, làm dịu mát khí hậu, đảm bảo sản xuất. Ngoài ra việc đầu tư kiên cố công trình tạo khả năng chống chịu với lũ lụt, sạt lở đất, giúp người dân

chủ động sản xuất nông nghiệp trong điều kiện tác động của thiên tai có xu hướng gia tăng về cường độ, tần suất và tính phức tạp.

(iii) Đối với công trình kè chống sạt lở: Sau khi dự án hoàn thành, sẽ chống chịu với lũ lụt, sạt lở đất, giúp người dân an tâm định cư và đầu tư cho sản xuất.

Ngoài ra, đầu tư dự án sẽ có tác dụng gia tăng khả năng nhận biết, chống chịu với biến đổi khí hậu cho người dân vùng dự án.

c. Tác động tiêu cực và biện pháp giảm thiểu

Các tác động tiêu cực chính có thể xảy ra trong giai đoạn xây dựng như: (i) Xói lở đất do các hoạt động đào đắp và dòng chảy từ mưa bị ô nhiễm có thể gây tác động đến đất canh tác và chất lượng nước mặt, gây úng ngập cục bộ, (ii) Các hoạt động đào và đắp do xây mới công trình sẽ tạo ra đất đá, bùn cát có thể gây ô nhiễm. Việc đổ thải không hợp lý dẫn đến mất đất hoặc gây ô nhiễm đất canh tác, (iii) Việc đổ vật liệu thải xây dựng, rác thải và nước thải sinh hoạt không hợp lý có thể tác động đến chất lượng nước mặt, nước ngầm và chất lượng đất, (iv) Các hoạt động đào, san lấp nền đường quản lý công trình, mặt bằng xây dựng, vận hành máy móc, vận chuyển vật liệu đến công trình sẽ gia tăng độ bụi, (v) Công việc vận chuyển vật liệu xây dựng đến công trình và vật liệu thải từ công trình đến bãi thải có thể gây ách tắc giao thông và rủi ro về an toàn, làm suy thoái đường cả bề mặt đường và sụt lún, (vi) Sức khỏe nghề nghiệp và rủi ro an toàn của công nhân từ sự cố điện, tiếng ồn, độ rung, bụi, khuân vác vật liệu và thiết bị nặng, giao thông đi lại, tai nạn công trường, làm việc trên bề mặt trơn trượt, rủi ro cháy nổ ... (vii) Sức khỏe và rủi ro an toàn cộng đồng từ các hoạt động xây dựng, hoạt động của máy móc và xe tải nặng, cháy nổ, rơi vãi vật liệu và làm xáo trộn cuộc sống cộng đồng như ách tắc hoặc cản trở giao thông.

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực trên, nhà thầu xây dựng cần: (i) có hệ thống tiêu thoát nước mưa tại công trình xây dựng, cân bằng lượng đất đào và đắp, hoàn trả bề mặt đất bị chiếm dụng, (ii) giảm tối đa lượng đất đá, bùn cát rơi vãi trên công trường, lựa chọn bãi thải hợp lý và được chính quyền địa phương chấp thuận, quản lý chặt chẽ lượng đất cát dư thừa giữa lượng đất đào và đắp và cho phép người dân tái sử dụng đất dư thừa này, (iii) Thu gom chất thải xây dựng và sinh hoạt tại công trường để phân loại cho tái sử dụng, có thể bán cho người thu mua, còn lại đổ vào các bãi rác địa phương; (iv) Thường xuyên tưới nước, phủ bạt các xe chở vật liệu xây dựng và đổ thải, quản lý chuyên chở vật liệu để tránh ảnh hưởng khu vực dân cư, (v) Có kế hoạch về các tuyến đường và lịch trình vận chuyển với sự tham vấn của đơn vị quản lý đường để tránh các khu đông dân cư, các điểm nhạy cảm như khu đông dân cư, trường học, bệnh viện, thời gian cao điểm về giao thông, giới hạn tốc độ và không cho phép trữ

tạm thời vật liệu dọc các tuyến đường thuộc khu vực giao thông đông đúc. Nhà thầu cần sửa chữa bất kỳ hỏng hóc nào các tuyến đường do quá trình vận chuyển vật liệu gây ra, (vi) Nhà thầu cần thực thi Kế hoạch An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp và Kế hoạch ứng phó khẩn cấp như đã trình bày ở Kế hoạch Quản lý Môi trường (KHQLMT)), (vii) Phổ biến cho cộng đồng kiến thức về an toàn ở khu vực TDA , lắp đặt rào, tường chắn an toàn và biển cảnh báo (bằng tiếng Việt) và có người giám sát tại công trình (kể cả ban đêm cần có bảo vệ), không cho phép người không có nhiệm vụ vào khu vực công trình xây dựng.

6.1.2 Tác động về xã hội:

(i) Đối với việc Đầu tư các tuyến đường giao thông

Các tuyến đường hình thành sẽ cải thiện điều kiện giao thông, giúp trên 2.316 hộ dân với hơn 9.435 người phần lớn là người dân tộc thiểu số có thể tiếp cận được với nhau và tiếp cận thuận lợi với vùng trung tâm của các huyện. Dự án sẽ góp phần nâng cao dân trí, xoá đói giảm nghèo và góp phần giảm mạnh các tệ nạn xã hội trong vùng hưởng lợi. Ngoài ra dự báo hàng năm số người hưởng lợi gián tiếp lên đến hàng trăm nghìn người dân trong các khu vực lân cận cũng như du khách gần xa tham quan khám phá vẻ đẹp thiên nhiên vùng miền núi phía Đông dãy Trường Sơn hùng vĩ như khu Cà Đam, vùng lòng hồ thủy điện Đắk Rln vv.

Ý nghĩa hỗ trợ về giới: Dự án mang lại việc hỗ trợ về giới rất thiết thực như giúp cho phụ nữ các xã trong vùng dự án gặp nhiều thuận lợi trong việc đi lại, nhất là trong mùa mưa lũ. Góp phần trong việc phát triển kinh tế gia đình, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Trước mắt giải quyết kịp thời việc tổ chức an ninh lương thực tại chỗ hàng năm cho nhân dân và đồng bào dân tộc các xã vùng cao. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại khám chữa bệnh của đồng bào và đến trường của học sinh là con em đồng bào dân tộc.

Giải quyết giao thông giữa các xã trong huyện với nhau và giữa các huyện miền núi với đồng bằng, tạo điều kiện lưu thông hàng hoá, phát triển thương mại. Do giảm chi phí vận chuyển và điều kiện lưu thông hàng hoá tăng lên nên giá cả lên khu vực này hàng hóa sẽ giảm và đồng thời sản phẩm nông lâm sản của đồng bào có điều kiện đưa đi bán các nơi, đây là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội cho khu vực dự án.

Góp phần to lớn trong việc ngăn chặn đốt rẫy, phá rừng làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái của các khu vực có liên quan, bảo vệ nguồn tài nguyên lâm sản. Việc tăng cường quản lý cũng tạo điều kiện cho nhân dân định canh

định cư, sản xuất, kinh doanh có tổ chức, phát triển quy mô hoạt động kinh tế.

(ii) Đối với việc đầu tư Các công trình cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp.

- Vùng dự án là vùng thiếu nước nghiêm trọng và không có nguồn nước nào khác để bổ sung cho khu vực nên việc xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt và thủy lợi là giải pháp cần thiết để giải quyết một phần nước cho sinh hoạt và tưới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trong khu vực.

- Từng bước giải quyết vấn đề nước sạch nông thôn, miền núi, đảm bảo vệ sinh, an toàn sức khỏe, nâng cao chất lượng đời sống cho người dân.

- Tăng tỷ lệ diện tích được tưới chủ động, góp phần quan trọng để hoàn thành mục tiêu phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi theo đúng định hướng Quy hoạch Thủy lợi, phục vụ Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Thông qua hiện đại hóa, cơ sở hạ tầng thủy lợi được cải thiện, đảm bảo an toàn hơn trong mưa lũ do tác động của biến đổi khí hậu; đồng thời giúp đơn vị quản lý vận hành giảm chi phí vận hành, duy tu, sửa chữa hàng năm; giúp tiết kiệm nước để dành phục vụ cho các ngành kinh tế khác như: công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ vui chơi giải trí v.v...

- Việc khôi phục, mở rộng diện tích có tưới và đây cũng là bổ sung nguồn nước ngầm, nước cho sinh hoạt cho người dân, góp phần đảm bảo an sinh và cải thiện môi trường vùng dự án.

6.2. Tính hiệu quả kinh tế

* Đối với việc Đầu tư các tuyến đường giao thông

Khi các tuyến đường hoàn thành thì việc phát triển vùng diện tích cây nguyên liệu như cây keo lai, bạch đàn, quế, cau vv sẽ phát triển mạnh mẽ nhờ việc vận chuyển được thuận lợi hơn rất nhiều (vì chủ yếu đi qua tuyến đường này) nên giảm chi phí sản xuất, dẫn đến tăng năng suất cũng như hiệu quả đầu tư. Lợi ích về kinh tế được lượng hóa cụ thể như sau:

- Thu nhập tăng thêm từ giảm chi phí và thời gian đi lại của 9.435 người hưởng lợi trực tiếp. Lợi ích này ước khoảng 17,219 tỷ đồng/ năm (tạm tính 5.000 đồng/ người/ ngày).

- Thu nhập tăng thêm từ gia tăng giá trị sản phẩm hàng hóa. Lợi ích này ước khoảng 5,0 tỷ đồng/ năm (tạm tính 100.000 đồng/ tấn/ năm x 50.000 tấn).

- Ngoài ra thu nhập tăng thêm còn phải kể đến việc giảm các khoản chi nằm viện nội trú không cần thiết, chi phí nội trú trường học vv Lợi ích này ước

khoảng 1,0 tỷ đồng/ năm (tạm tính khoảng 1.000.000 đồng/ năm x10% 9.435)

* Đối với việc đầu tư Các công trình cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp.

- Các công trình cấp nước sinh hoạt: Hiệu quả kinh tế được tính toán sơ bộ trên cơ sở số người dùng với mức giá nước dịch vụ công ích hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Lợi ích về kinh tế được lượng hóa cụ thể như sau:

+ Thu nhập từ tiền sử dụng nước với mức giá tối thiểu 5.800 đồng/m³. Lợi ích này dự kiến thu khoảng 15,03 tỷ đồng/ năm (5.800 đồng x tổng công suất (7100 m³/ ng.đ) x 365 ngày).

+ Thu nhập từ việc giảm chi phí ốm đau, bệnh tật do sử dụng nước kém chất lượng vv Lợi ích này dự kiến thu khoảng 1,632 tỷ đồng/ năm (tạm tính 50.000 đồng người/ năm x 32.643 người)

- Các công trình thủy lợi : Việc thực hiện Dự án sẽ tạo ra hiệu quả kinh tế cao do nội dung đầu tư chủ yếu tập trung hiện đại hóa các hệ thống thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu, tiết kiệm nước, sử dụng nước hiệu quả phục vụ đa dạng hóa cây trồng, tưới cho các cây trồng giá trị kinh tế cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, giá thành sản phẩm nông nghiệp. Lợi ích về kinh tế được lượng hóa cụ thể như sau:

+ Trước khi có dự án: Tổng diện tích 1684ha đất sản xuất nông nghiệp, do không chủ động nguồn nước nên năng suất và chất lượng thấp, chủ yếu trồng lúa truyền thống và thu nhập thuần túy hàng năm khoảng 29,89 triệu đồng/ ha (tổng thu nhập cho 1684ha là 50,35 tỷ đồng/ năm).

+ Sau khi có dự án: Tổng diện tích 1714ha đất sản xuất nông nghiệp chủ động nguồn nước, kết hợp biện pháp chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang hướng cây trồng cận, cây có giá trị kinh tế cao Lúa hữu cơ, rau, màu, cây ăn quả như thanh long, cây dược liệu vv thu nhập thuần túy hàng năm khoảng 52,80 triệu đồng/ha (tổng thu nhập cho 1714ha là 90,48 tỷ đồng/ năm).

+ Thu nhập tăng thêm thuần túy của dự án (nhờ biện pháp thủy lợi chủ động nguồn nước kết hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng) là 40,13 tỷ đồng/ năm (Chỉ số IRR ≈11,25%; NPV (10%) = 32.230 và B/C = 1.17).

- Công trình Kè chống sạt lở: Thực hiện Dự án nhằm đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và công trình hạ tầng xã hội của nhà nước. Lợi ích về kinh tế được lượng hóa cụ thể như sau:

+ Lợi ích từ việc đảm bảo an toàn cho 165 ngôi nhà (165 hộ) dân vùng ảnh hưởng trực tiếp ven sông khoảng 107,25 tỷ đồng (tạm tính 650 triệu đồng/ 01

ngôi nhà).

+ Lợi ích từ việc bảo vệ đất ở và đất sản xuất ven sông khoảng 20 tỷ đồng. (bao gồm 5ha đất ở và 15 ha đất sản xuất).

+ Lợi ích từ việc giảm chi phí phòng chống lụt bão hàng năm ước tính 9,2 tỷ đồng (613 hộ x 500.000 đồng/hộ x30 năm).

6.3. Tác động đối với kế hoạch đầu tư trung hạn của tỉnh:

Dự án là phần quan trọng trong chương trình phát triển vùng miền núi đã được Tỉnh ủy đưa vào Nghị quyết Đại hội lần thứ 20 năm 2020; HĐND tỉnh đưa vào Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/9/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã bố trí kế hoạch vốn đối ứng năm 2023 là 1,0 tỷ đồng để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư (Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương). Do vậy dự án sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

Như phần trên đã phân tích, việc đề xuất vay vốn từ nguồn vốn vay ưu đãi cụ thể là vốn ADB, UBND tỉnh Quảng Ngãi sẽ chịu trách nhiệm bố trí nguồn vốn đối ứng đóng góp vào dự án và trả nợ. Hoạt động này có tác động tích cực tới tỉnh Quảng Ngãi nhiều hơn là tiêu cực, cụ thể như sau:

- Do phải trực tiếp quản lý và chi trả khoản nợ, UBND tỉnh và các sở ban ngành liên quan cũng như nhân dân vùng dự án và nhân dân địa phương sẽ cùng chung tay chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh đưa ra các giải pháp vay, sử dụng và trả nợ hợp lý nhất. Điển hình như: kỷ luật tài khoá, lập ngân sách ngắn hạn và trung hạn, hình thành cơ chế vay và trả nợ chính quyền địa phương, tăng cường công khai, minh bạch ngân sách. Đó là những yếu tố cơ bản nhằm tăng cường năng lực tài chính tỉnh nói riêng và cả nước nói chung trong dài hạn.

- Tỉnh Quảng Ngãi là tỉnh có thu ngân sách được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên, theo quy định của luật Ngân sách, hạn mức vay của tỉnh là 30% thu ngân sách được hưởng theo phân cấp. Theo phân phân tích khả năng vay ở trên, với các dự án hiện đang thực hiện, tỷ lệ dư nợ vay tính trên trần nợ công của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 là từ 4,68% - 23,79%. Với việc dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện, tác động đến nợ công và kế hoạch đầu tư trung hạn của tỉnh thể hiện trong bảng tính sau đây:

Bảng 6: Tác động của dự án tới nợ công và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025

ĐVT: Tỷ đồng

Nội dung	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Trần nợ công được phép theo quy định của luật Ngân sách 2015	4.422,0	3.984,0	3.912,0	6.489,0	4.272,0	4.536,0	5.527,0
Dư nợ của các dự án đang thực hiện	180,33	163,82	183,21	204,36	339,56	489,36	1184,39
Kế hoạch giải ngân (phần vốn vay lại) dự án CRIEM tỉnh Quảng Ngãi						112,23	130,94
Tổng dư nợ cuối năm (có dự án)	180,33	163,82	183,21	204,36	339,56	601,59	1.315,33
Tỷ lệ tính trên trần nợ công	4,08	4,11	4,68	3,15	14,45	13,26	23,79

Như vậy, với việc thực hiện dự án này, trần nợ công của tỉnh Quảng Ngãi vẫn đảm bảo trong mức cho phép./.